

TÀI LIỆU API HỆ THỐNG ESMS.VN

Version 24.12.01

Date: 24/12/2021

I.	GIỚI THIỆU HỆ THỐNG API.....	4
II.	CÁC HÀM LIÊN QUAN ĐẾN SMS.....	5
1.	Hàm lấy số dư.....	5
	Thông số.....	5
	Thông tin trả về.....	5
2.	Hàm gửi tin nhắn.....	6
	Thông số.....	11
	Thông tin trả về.....	15
3.	Hàm kiểm tra trạng thái tin nhắn.....	17
	Thông số.....	17
	Thông tin trả về.....	18
4.	Hàm kiểm tra chi tiết từng số trong tin nhắn.....	19
	Thông số.....	20
	Thông tin trả về.....	21
5.	Hàm lấy danh sách tin nhắn theo khoảng thời gian.....	21
	Thông số.....	22
	Thông tin trả về.....	23
6.	Hàm lấy danh sách brandname.....	24
	Thông số.....	25
	Thông tin trả về.....	25
7.	Hàm lấy danh sách Template SMS có trong tài khoản.....	26
	Thông số.....	27
	Thông tin trả về.....	27
8.	Hàm API Gencode.....	28
	Thông số.....	29
	Thông tin trả về.....	29

9. Kết nối Mã Voucher.....	31
III. CÁC HÀM TẠO CUỘC GỌI TỰ ĐỘNG.....	31
1. Hàm lấy trạng thái cuộc gọi.....	31
Thông số.....	31
Thông tin trả về.....	32
2. Hàm tạo cuộc gọi tự động theo Template.....	33
Thông số.....	35
Thông tin trả về.....	36
3. Hàm tạo cuộc gọi tự động từ file ghi âm.....	37
Thông số.....	38
Thông tin trả về.....	40
4. Hàm tạo cuộc gọi OTP.....	41
Thông số.....	41
Thông tin trả về.....	42
IV. CÁC HÀM LIÊN QUAN ĐẾN TIN OTT: ZALO ZNS VÀ VIBER.....	43
1. Hàm gửi tin nhắn thông báo Zalo – Zalo ZNS.....	43
Thông số.....	44
Thông tin trả về.....	46
2. Hàm gửi tin nhắn Multi-Channel.....	48
Thông số.....	49
Thông tin trả về.....	53
3. Hàm lấy danh sách Zalo OA có trong tài khoản eSMS.....	54
Thông số.....	55
Thông tin trả về.....	55
4. Hàm lấy danh sách template Zalo OA có trong tài khoản eSMS.....	58
Thông số.....	58
Thông tin trả về.....	59
5. Hàm lấy danh sách Zalo Follower.....	62
Hàm trả về danh sách người đang follow Zalo OA của bạn.....	62
Thông số.....	62

Thông tin trả về.....	63
6. Hàm gửi tin Zalo Follower theo mẫu đính kèm ảnh.....	64
Thông số.....	66
Thông tin trả về.....	66
7. Hàm gửi tin Zalo Follower theo dạng List Menu.....	67
Thông số.....	70
Thông tin trả về.....	71
8. Hàm gửi tin ZNS Follower dạng button.....	71
Thông số.....	74
Thông tin trả về.....	75
9. Hàm get ZNS Quota.....	76
Thông số.....	76
Thông tin trả về.....	76
10. Hàm lấy thông tin chất lượng gửi ZNS hiện tại.....	77
Thông số.....	78
Thông tin trả về.....	78
11. Hàm kiểm tra đánh giá temp Rating.....	79
Thông số.....	80
Thông tin trả về.....	81
12. Hàm gửi tin ZNS mỗi khách hàng một nội dung.....	82
Thông số.....	83
Thông tin trả về.....	83
13. Hàm gửi tin nhắn VIBER.....	85
Thông số.....	85

I. GIỚI THIỆU HỆ THỐNG API

Nếu Website, hệ thống của bạn đang cần tính năng gửi SMS/Zalo/Viber đến điện thoại chẳng hạn như nhắn mã xác nhận khi đăng ký Website, hay phần mềm quản lý nhân sự cần nhắn tin thông báo lịch họp, chúc mừng sinh nhật nhân viên ... Hệ thống API của eSMS sẽ đáp ứng được hoàn toàn các yêu cầu của bạn.

Hệ thống API của chúng tôi đảm bảo tính nhanh, đơn giản, tin cậy và dễ dàng tích hợp vào bất kỳ hệ thống nào.

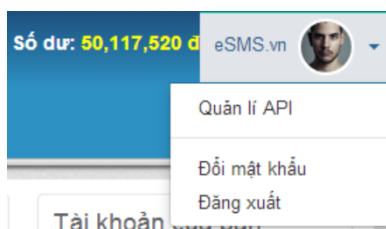
Có thể kết nối bằng tất cả các ngôn ngữ lập trình như C#, Java, ASP.NET, PHP.

Cơ chế hoạt động:

- Kết nối thông qua HTTP Request: POST/Get
- Xác thực: các request của bạn sẽ được hệ thống xác thực thông qua APIkey và SecretKey, 2 key này sẽ được cấp sau khi bạn đăng ký tài khoản tại eSMS.vn

Trước khi sử dụng eSMS API vui lòng [đăng ký tài khoản](#) tại esms.vn để lấy APIKey và Secretkey.
(Có ngay 50 SMS dùng thử)

Sau khi đăng ký xong bạn truy cập vào Menu Quản lý API để lấy key



Lưu ý: phần này dành cho các lập trình viên, các đơn vị có bộ phận IT. Nếu bạn không có bộ phận IT và muốn chúng tôi hỗ trợ tích hợp liên hệ với chúng tôi qua số Hotline: **0901.888.484**

Xem bài hướng dẫn chi tiết và tải code mẫu tại đây:

esms.vn/blog/3-buoc-de-co-the-gui-tin-nhan-tu-website-ung-dung-cua-ban-bang-sms-api-cua-esmsvn

II. CÁC HÀM LIÊN QUAN ĐẾN SMS

1. Hàm lấy số dư

Đây là hàm cơ bản đầu tiên mà bạn nên thử, hàm giúp bạn lấy về số dư trong tài khoản của bạn.

URL Request:

http://rest.esms.vn/MainService.svc/json/GetBalance_json

Các bạn cần gọi lệnh POST đến URL ở trên với data POST lên có dạng như sau:

```
{
  "ApiKey": "NHAPVAOAPIKEY",
  "SecretKey": "NHAPVAOSECRETKEY"
}
```

URL cơ sở

URL cơ sở của bạn sẽ sử dụng một trong hai tùy theo kiểu dữ liệu trả về mong muốn

JSON	XML
http://rest.esms.vn/MainService.svc /json/	http://rest.esms.vn/MainService.svc /xml/

Thông số

Bảng dưới đây cho thấy các thông số bạn sử dụng trong yêu cầu:

Tham số	Miêu tả	Cần thiết
Apikey	Dùng để sử dụng esms api. (cung cấp khi đăng ký tài khoản tại esms.vn)	Có.
Secretkey		

Thông tin trả về

Bạn đặt các loại trả về bằng cách sử dụng URL cơ sở. Bảng sau đây cho thấy trả về dữ liệu trong JSON hay XML:

--	--

JSON	XML
<pre>{ "Balance": 7527430, "CodeResponse": "100", "UserID": 0001 }</pre>	<pre><MemberModel xmlns="http://schemas.datacontract.org/2004/07/AdvertisingAPI.M odel" xmlns:i="http://www.w3.org/2001/XMLSchema-instance"> <Balance>7527430</Balance> <CodeResponse>100</CodeResponse> <UserID>0001</UserID> </MemberModel></pre>

Thông tin mã lỗi

Mã	Ý nghĩa
100	Request thành công.
99	Lỗi không xác định, thử lại sau
101	Đăng nhập thất bại (api key hoặc secret key không đúng)
102	Tài khoản đã bị khóa
103	Số dư tài khoản không đủ để gửi tin
104	Mã Brandname không đúng

2. Hàm gửi tin nhắn

Hàm cho phép bạn gửi tin nhắn đến 1 hoặc nhiều số điện thoại.

eSMS hỗ trợ nhiều hình thức đầu số hiển thị khác nhau như đầu số di động 10 số hoặc Brandname (tên công ty)

Tuy nhiên để gửi được tin nhắn Brandname bạn cần đăng ký Brandname với chúng tôi. Để đăng ký vui lòng liên hệ bộ phận kinh doanh: 0901.888.484

- **Chú ý: Tin CSKH gửi tối đa 1000 số.**

a) Theo giao thức GET

Request:

Url Request có dạng:

http://rest.esms.vn/MainService.svc/json

/SendMultipleMessage_V4_get?Phone={Phone}&Content={Content}&ApiKey={ApiKey}&SecretKey={SecretKey}&IsUnicode={IsUnicode}&Brandname={Brandname}&SmsType={SmsType}&CallbackUrl={CallbackUrl}&RequestId={RequestId}

Request mẫu: **http://rest.esms.vn/MainService.svc/json**

/SendMultipleMessage_V4_get?Phone=09xxxx&Content=DemoText&ApiKey=xxxx&SecretKey=xxxx&SmsType=2&Brandname=Baotrixemay

Request này bao gồm các phần:

- Phần URL cơ sở
- Các tham số

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc				
Phone	Số điện thoại người nhận	Có.				
Content	Nội dung gửi đến người nhận	Có.				
ApiKey	Thông tin APIKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có				
SecretKey	Thông tin SecretKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có				
SmsType	<p>Là loại tin nhắn muốn sử dụng, mỗi loại sẽ có đầu số hiển thị khác nhau và chi phí khác nhau. Vui long liên hệ hotline 0901.888.484 để được tư vấn cụ thể hơn</p> <table><tr><th>Giá trị</th><th>Ý nghĩa</th></tr><tr><td></td><td></td></tr></table>	Giá trị	Ý nghĩa			Có.
Giá trị	Ý nghĩa					

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc
	<div>2</div> <p>Brandname chăm sóc khách hàng</p> <p>Khuyến khích sử dụng loại tin nhắn này. Bạn cần liên hệ nhân viên kinh Doanh hoặc hotline 0901.888.484 để đăng ký Brandname riêng của mình.</p> <p>Để test bạn vui lòng sử dụng Brandname: Baotrixemay</p> <p>Với các mẫu sau:</p> <p>[^.]{0,20} là mã đặt lại mật khẩu Baotrixemay của bạn</p> <p>[^.]{0,20} là mã xác minh đăng ký Baotrixemay của bạn</p> <p>Cam ơn quý khách đã sử dụng dịch vụ của chúng tôi. Chúc quý khách một ngày tốt lành!</p>	
	<div>8</div> <p>Tin nhắn đầu số cố định 10 số, chuyên dùng cho chăm sóc khách hàng.</p> <p>Bạn cần phải đăng ký mẫu tin nhắn trước với bộ phận kinh doanh để đăng ký và sử dụng.</p>	
	<div>24</div> <p>Tin nhắn Zalo ưu tiên</p> <p>Bạn cần phải đăng ký mẫu tin nhắn trước với bộ phận kinh doanh để đăng ký và</p>	

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc						
	<table><tr><th>Giá trị</th><th>Ý nghĩa</th></tr><tr><td></td><td>sử dụng</td></tr><tr><td>25</td><td>Tin nhắn Zalo thường Bạn cần phải đăng ký mẫu tin nhắn trước với bộ phận kinh doanh để đăng ký và sử dụng</td></tr></table>	Giá trị	Ý nghĩa		sử dụng	25	Tin nhắn Zalo thường Bạn cần phải đăng ký mẫu tin nhắn trước với bộ phận kinh doanh để đăng ký và sử dụng	
Giá trị	Ý nghĩa							
	sử dụng							
25	Tin nhắn Zalo thường Bạn cần phải đăng ký mẫu tin nhắn trước với bộ phận kinh doanh để đăng ký và sử dụng							
Brandname	Tên Brandname (tên công ty hay tổ chức khi gửi tin sẽ hiển thị trên tin nhắn đó). Chú ý: sẽ phải đăng ký trước khi sử dụng.	Có khi gửi brandname.						
Sandbox	<table><tr><th>Mã</th><th>Ý nghĩa</th></tr><tr><td>0</td><td>Không thử nghiệm, gửi tin đi thật</td></tr><tr><td>1</td><td>Thử nghiệm (tin không đi mà chỉ tạo ra tin nhắn)</td></tr></table>	Mã	Ý nghĩa	0	Không thử nghiệm, gửi tin đi thật	1	Thử nghiệm (tin không đi mà chỉ tạo ra tin nhắn)	Không
Mã	Ý nghĩa							
0	Không thử nghiệm, gửi tin đi thật							
1	Thử nghiệm (tin không đi mà chỉ tạo ra tin nhắn)							
RequestId	ID Tin nhắn của đối tác, dùng để kiểm tra ID này đã được hệ thống esms tiếp nhận trước đó hay chưa. Ví dụ: requestid=123456	Không						
SendDate	Đặt lịch gửi tin Ví dụ: 2020/09/02 13:00:00	Không						

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc
CallbackUrl	<p>eSMS sẽ trả về kết quả của tin nhắn này</p> <p>Callback examples: https://esms.vn/receivecallback/?SMSID=01587c8b-76fd-4j15-98c4-05f19aa5891210&SendFailed=0&SendStatus=5&SendSuccess=1&TotalPrice=790.0000&TotalReceiver=1&TotalSent=1&RequestId=&telcoid=3</p> <p>Trong đó:</p> <p>SMSID: Mã tin nhắn, được trả về sau khi gọi API gửi tin</p> <ul style="list-style-type: none"> - SendFailed: Tổng số tin gửi thất bại - SendStatus: <ul style="list-style-type: none"> + 1: Chờ duyệt + 2: Đang chờ gửi + 3: Đang gửi + 4: Bị từ chối + 5: Đã gửi xong + 6: Đã bị xóa - SendSuccess: Tổng số tin nhắn gửi thành công - TotalPrice: Tổng số tiền gửi tin - TotalReceiver: Tổng số người nhận - RequestId - telcoid: <ul style="list-style-type: none"> + 1: Viettel + 2: Mobi + 3: Vina + 4: Vietnammobile + 5: Gtel + 6: ITel - TotalSent: Tổng số tin nhắn cần gửi tin 	Không

URL Cơ sở:

Ứng với mỗi dạng kết quả trả về mà phần URL cơ sở sẽ khác nhau là json hay xml

Trả về kết quả dạng JSON	Trả về kết quả dạng XML
http://rest.esms.vn/MainService.svc /json/	http://rest.esms.vn/MainService.svc /xml/

b) Theo giao thức POST JSON

http://rest.esms.vn/MainService.svc/json/SendMultipleMessage_V4_post_json/

Các bạn cần gọi lệnh POST đến URL ở trên với data POST lên có dạng như sau:

```
{
  "ApiKey": "xxxxxx",
  "Content": "xxxxxx",
  "Phone": "035220777",
  "SecretKey": "xxxxxx",
  "IsUnicode": "0",
  "Brandname": "Baotrixemay",
  "SmsType": "2",
  "RequestId": "daylaidcuaban",
  "CallbackUrl": https://enaehgfhfyqxn.x.pipedream.net/,
  "campaignid": "Tên chiến dịch gửi tin"
}
```

Thông số

Bảng dưới đây cho thấy các thông số bạn sử dụng trong yêu cầu:

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc
Phone	Số điện thoại người nhận	Có.
Content	Nội dung gửi đến người nhận	Có.
ApiKey	Thông tin APIKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có
SecretKey	Thông tin SecretKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có
SmsType	Là loại tin nhắn muốn sử dụng, mỗi loại sẽ có đầu số hiển thị khác nhau và chi phí khác nhau.	Có.

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc								
	<p>Vui long liên hệ hotline 0901.888.484 để được tư vấn cụ thể hơn</p> <table><tr><th>Giá trị</th><th>Ý nghĩa</th></tr><tr><td>2</td><td><p>Brandname chăm sóc khách hàng</p><p>Khuyến khích sử dụng loại tin nhắn này. Bạn cần liên hệ nhân viên kinh Doanh hoặc hotline 0901.888.484 để đăng ký Brandname riêng của mình.</p><p>Để test bạn vui lòng sử dụng Brandname: Baotrixemay</p><p>Với các mẫu sau:</p><p>[^.]{0,20} là ma dat lai mat khau Baotrixemay cua ban</p><p>[^.]{0,20} là ma xac minh dang ky Baotrixemay cua ban</p><p>Cam on quy khách đã sử dụng dịch vụ của chúng tôi. Chúc quý khách một ngày tốt lành!</p></td></tr><tr><td>8</td><td><p>Tin nhắn đầu số cố định 10 số, chuyên dùng cho chăm sóc khách hàng.</p><p>Bạn cần phải đăng ký mẫu tin nhắn trước với bộ phận kinh doanh để đăng ký và sử dụng.</p></td></tr><tr><td></td><td></td></tr></table>	Giá trị	Ý nghĩa	2	<p>Brandname chăm sóc khách hàng</p> <p>Khuyến khích sử dụng loại tin nhắn này. Bạn cần liên hệ nhân viên kinh Doanh hoặc hotline 0901.888.484 để đăng ký Brandname riêng của mình.</p> <p>Để test bạn vui lòng sử dụng Brandname: Baotrixemay</p> <p>Với các mẫu sau:</p> <p>[^.]{0,20} là ma dat lai mat khau Baotrixemay cua ban</p> <p>[^.]{0,20} là ma xac minh dang ky Baotrixemay cua ban</p> <p>Cam on quy khách đã sử dụng dịch vụ của chúng tôi. Chúc quý khách một ngày tốt lành!</p>	8	<p>Tin nhắn đầu số cố định 10 số, chuyên dùng cho chăm sóc khách hàng.</p> <p>Bạn cần phải đăng ký mẫu tin nhắn trước với bộ phận kinh doanh để đăng ký và sử dụng.</p>			
Giá trị	Ý nghĩa									
2	<p>Brandname chăm sóc khách hàng</p> <p>Khuyến khích sử dụng loại tin nhắn này. Bạn cần liên hệ nhân viên kinh Doanh hoặc hotline 0901.888.484 để đăng ký Brandname riêng của mình.</p> <p>Để test bạn vui lòng sử dụng Brandname: Baotrixemay</p> <p>Với các mẫu sau:</p> <p>[^.]{0,20} là ma dat lai mat khau Baotrixemay cua ban</p> <p>[^.]{0,20} là ma xac minh dang ky Baotrixemay cua ban</p> <p>Cam on quy khách đã sử dụng dịch vụ của chúng tôi. Chúc quý khách một ngày tốt lành!</p>									
8	<p>Tin nhắn đầu số cố định 10 số, chuyên dùng cho chăm sóc khách hàng.</p> <p>Bạn cần phải đăng ký mẫu tin nhắn trước với bộ phận kinh doanh để đăng ký và sử dụng.</p>									

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc						
	<table><tr><th>Giá trị</th><th>Ý nghĩa</th></tr><tr><td>24</td><td>Tin nhắn Zalo ưu tiên Bạn cần phải đăng ký mẫu tin nhắn trước với bộ phận kinh doanh để đăng ký và sử dụng</td></tr><tr><td>25</td><td>Tin nhắn Zalo thường Bạn cần phải đăng ký mẫu tin nhắn trước với bộ phận kinh doanh để đăng ký và sử dụng</td></tr></table>	Giá trị	Ý nghĩa	24	Tin nhắn Zalo ưu tiên Bạn cần phải đăng ký mẫu tin nhắn trước với bộ phận kinh doanh để đăng ký và sử dụng	25	Tin nhắn Zalo thường Bạn cần phải đăng ký mẫu tin nhắn trước với bộ phận kinh doanh để đăng ký và sử dụng	
Giá trị	Ý nghĩa							
24	Tin nhắn Zalo ưu tiên Bạn cần phải đăng ký mẫu tin nhắn trước với bộ phận kinh doanh để đăng ký và sử dụng							
25	Tin nhắn Zalo thường Bạn cần phải đăng ký mẫu tin nhắn trước với bộ phận kinh doanh để đăng ký và sử dụng							
Brandname	Tên Brandname (tên công ty hay tổ chức khi gửi tin sẽ hiển thị trên tin nhắn đó). Chú ý: sẽ phải đăng ký trước khi sử dụng.	Có khi gửi brandname.						
Sandbox	<table><tr><th>Mã</th><th>Ý nghĩa</th></tr><tr><td>0</td><td>Không thử nghiệm, gửi tin đi thật</td></tr><tr><td>1</td><td>Thử nghiệm (tin không đi mà chỉ tạo ra tin nhắn)</td></tr></table>	Mã	Ý nghĩa	0	Không thử nghiệm, gửi tin đi thật	1	Thử nghiệm (tin không đi mà chỉ tạo ra tin nhắn)	Không
Mã	Ý nghĩa							
0	Không thử nghiệm, gửi tin đi thật							
1	Thử nghiệm (tin không đi mà chỉ tạo ra tin nhắn)							
RequestId	ID Tin nhắn của đối tác, dùng để kiểm tra ID này đã được hệ thống esms tiếp nhận trước đó hay chưa. Ví dụ: requestid=123456	Không						

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc
campaignid	Tên chiến dịch gửi, tối đa 254 ký tự	Không
CallbackUrl	<p>eSMS sẽ trả về kết quả của tin nhắn này</p> <p>Callback examples: https://esms.vn/receivecallback/?SMSID=01387c8b-76fd-4b15-98c4-05f19aa5891210&SendFailed=0&SendStatus=5&SendSuccess=1&TotalPrice=790.0000&TotalReceiver=1&TotalSent=1&RequestId=&telcoid=3</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> SMSID: Mã tin nhắn, được trả về sau khi gọi API gửi tin - SendFailed: Tổng số tin gửi thất bại - SendStatus: <ul style="list-style-type: none"> + 1: Chờ duyệt + 2: Đang chờ gửi + 3: Đang gửi + 4: Bị từ chối + 5: Đã gửi xong + 6: Đã bị xóa - SendSuccess: Tổng số tin nhắn gửi thành công - TotalPrice: Tổng số tiền gửi tin - TotalReceiver: Tổng số người nhận - RequestId - telcoid: <ul style="list-style-type: none"> + 1: Viettel + 2: Mobi + 3: Vina + 4: Vietnammobile + 5: Gtel + 6: ITel <p>TotalSent: Tổng số tin nhắn cần gửi tin</p>	Không
SendDate	<p>Đặt lịch gửi tin</p> <p>Ví dụ: 2020/09/02 13:00:00</p>	Không

Thông tin trả về

Tùy vào URL cơ sở mà bạn sử dụng, bạn sẽ nhận được kiểu dữ liệu của kết quả khác nhau. Bảng sau đây cho thấy trả về dữ trong JSON hay XML:

JSON	XML
<pre>{ "CodeResult": "100", "CountRegenerate": "0", "SMSID": " cc955fb8-3c74-4851-ac69-9a2aa0a7cd26134" }</pre>	<pre><SmsResultModel xmlns="http://schemas.datacontract.org/2004/07/Advertising API.Model" xmlns:i="http://www.w3.org/2001/XMLSchema -instance"> <CodeResult>100</CodeResult> < CountRegenerate >0</ CountRegenerate > <SMSID> cc955fb8-3c74-4851-ac69- 9a2aa0a7cd26134</SMSID> </SmsResultModel></pre>

Ý nghĩa các trường kết quả

Tham số	Sự miêu tả																												
CodeResult	Kết quả của Request																												
	<table><tr><th>Giá trị</th><th>Ý nghĩa</th></tr><tr><td>100</td><td>Request đã được nhận và xử lý thành công.</td></tr><tr><td>104</td><td>Brandname không tồn tại hoặc đã bị hủy</td></tr><tr><td>118</td><td>Loại tin nhắn không hợp lệ</td></tr><tr><td>119</td><td>Brandname quảng cáo phải gửi ít nhất 20 số điện thoại</td></tr><tr><td>131</td><td>Tin nhắn brandname quảng cáo độ dài tối đa 422 kí tự</td></tr><tr><td>132</td><td>Không có quyền gửi tin nhắn đầu số cố định 8755</td></tr><tr><td>99</td><td>Lỗi không xác định</td></tr><tr><td>177</td><td>Brandname không có hướng (Viettel - The Network Viettel have not registry. VinaPhone - The Network VinaPhone have not registry. Mobifone - The Network Mobifone have not registry. Gtel - The Network Gtel have not registry. Vietnammobile - The Network Vietnammoile have not registry.)</td></tr><tr><td>159</td><td>RequestId quá 120 ký tự</td></tr><tr><td>145</td><td>Sai template mạng xã hội</td></tr><tr><td>146</td><td>Sai template Brandname CSKH</td></tr><tr><td>101</td><td>Sai ApiKey hoặc SecretKey</td></tr><tr><td>103</td><td>Tài khoản không đủ tiền</td></tr></table>	Giá trị	Ý nghĩa	100	Request đã được nhận và xử lý thành công.	104	Brandname không tồn tại hoặc đã bị hủy	118	Loại tin nhắn không hợp lệ	119	Brandname quảng cáo phải gửi ít nhất 20 số điện thoại	131	Tin nhắn brandname quảng cáo độ dài tối đa 422 kí tự	132	Không có quyền gửi tin nhắn đầu số cố định 8755	99	Lỗi không xác định	177	Brandname không có hướng (Viettel - The Network Viettel have not registry. VinaPhone - The Network VinaPhone have not registry. Mobifone - The Network Mobifone have not registry. Gtel - The Network Gtel have not registry. Vietnammobile - The Network Vietnammoile have not registry.)	159	RequestId quá 120 ký tự	145	Sai template mạng xã hội	146	Sai template Brandname CSKH	101	Sai ApiKey hoặc SecretKey	103	Tài khoản không đủ tiền
	Giá trị	Ý nghĩa																											
	100	Request đã được nhận và xử lý thành công.																											
	104	Brandname không tồn tại hoặc đã bị hủy																											
	118	Loại tin nhắn không hợp lệ																											
	119	Brandname quảng cáo phải gửi ít nhất 20 số điện thoại																											
	131	Tin nhắn brandname quảng cáo độ dài tối đa 422 kí tự																											
	132	Không có quyền gửi tin nhắn đầu số cố định 8755																											
	99	Lỗi không xác định																											
	177	Brandname không có hướng (Viettel - The Network Viettel have not registry. VinaPhone - The Network VinaPhone have not registry. Mobifone - The Network Mobifone have not registry. Gtel - The Network Gtel have not registry. Vietnammobile - The Network Vietnammoile have not registry.)																											
	159	RequestId quá 120 ký tự																											
	145	Sai template mạng xã hội																											
	146	Sai template Brandname CSKH																											
	101	Sai ApiKey hoặc SecretKey																											
103	Tài khoản không đủ tiền																												
IsSandbox																													

Tham số	Sự miêu tả
SMSID	ID của tin nhắn mới được tạo ra trên hệ thống eSMS. Dùng ID này để query lấy trạng thái tin nhắn.

3. Hàm kiểm tra trạng thái tin nhắn

Hàm giúp bạn kiểm tra trạng thái của tin nhắn đã gửi đi.

Cú pháp:

<http://rest.esms.vn/MainService.svc/xml/GetSendStatus?RefId=XXX&ApiKey=XXX&SecretKey=XXXX>

<https://restapi.esms.vn/MainService.svc/xml/GetSendStatus?RefId=XXX&ApiKey=XXX&SecretKey=XXXX>

Yêu cầu này bao gồm.

URL cơ sở

Tất cả các yêu cầu để SMS API phải bao gồm:

URL cơ sở của bạn sẽ sử dụng một trong hai:

JSON	XML
http://rest.esms.vn/MainService.svc /json/	http://rest.esms.vn/MainService.svc /xml/

Thông số

Bảng dưới đây cho thấy các thông số bạn sử dụng trong yêu cầu:

Tham số	Miêu tả	Cần thiết
ApiKey	Dùng để sử dụng esms api. (cung cấp khi đăng ký tài khoản tại esms.vn)	Có.
Secretkey		
RefID		Có.

Tham số	Miêu tả	Cần thiết
	ID của SMS được trả về sau khi gọi các lệnh gửi tin.	

Thông tin trả về

Bạn đặt các loại trả về bằng cách sử dụng **URL cơ sở**. Bảng sau đây cho thấy trả về dự trong JSON hay XML:

JSON	XML
<pre>{ "CodeResponse": "100", "SMSID": "24312210", "SendFailed": 0, "SendStatus": 5, "SendSuccess": 1, "TotalReceiver": 1, "TotalSent": 1 }</pre>	<pre><SmsStatusResult xmlns="http://schemas.datacontract.org/2004/07/Advertising API.Model" xmlns:i="http://www.w3.org/2001/XMLSchema- instance"> <CodeResponse>100</CodeResponse> <SMSID>24312210</SMSID> <SendFailed>0</SendFailed> <SendStatus>5</SendStatus> <SendSuccess>1</SendSuccess> <TotalReceiver>1</TotalReceiver> <TotalSent>1</TotalSent> </SmsStatusResult></pre>

Thông tin kết quả

Mã	Ý nghĩa
smsid	Mã tin nhắn được hiển thị trên giao diện eSMS

Mã	Ý nghĩa														
SendStatus	<table> <tr> <th>Mã</th><th>Ý nghĩa</th></tr> <tr> <td>1</td><td>Đang chờ duyệt</td></tr> <tr> <td>2</td><td>Đang chờ gửi</td></tr> <tr> <td>3</td><td>Đang gửi</td></tr> <tr> <td>4</td><td>Bị từ chối</td></tr> <tr> <td>5</td><td>Đã gửi xong</td></tr> <tr> <td>6</td><td>Đã bị xóa</td></tr> </table>	Mã	Ý nghĩa	1	Đang chờ duyệt	2	Đang chờ gửi	3	Đang gửi	4	Bị từ chối	5	Đã gửi xong	6	Đã bị xóa
Mã	Ý nghĩa														
1	Đang chờ duyệt														
2	Đang chờ gửi														
3	Đang gửi														
4	Bị từ chối														
5	Đã gửi xong														
6	Đã bị xóa														
TotalSent	Tổng số tin nhắn cần gửi														
TotalReceiver	Tổng số người nhận														
SentSuccess	Tổng số tin nhắn gửi thành công														
SentFailed	Tổng số tin nhắn gửi thất bại														

4. Hàm kiểm tra chi tiết từng số trong tin nhắn

Hàm lấy danh sách số điện thoại của một tin nhắn đã gửi (dựa trên SmsID hệ thống trả về) kèm theo trạng thái gửi (Số điện thoại đó đã gửi thành công chưa?)

Cú pháp:

http://rest.esms.vn/MainService.svc/json/GetSmsReceiverStatus_get?&ApiKey=XXXX&SecretKey=XXXX&RefId=XXXX

Yêu cầu này bao gồm.

URL cơ sở

Tất cả các yêu cầu để SMS API phải bao gồm:

URL cơ sở của bạn sẽ sử dụng một trong hai:

JSON	XML
http://rest.esms.vn/MainService.svc /json/	http://rest.esms.vn/MainService.svc /xml/

Thông số

Bảng dưới đây cho thấy các thông số bạn sử dụng trong yêu cầu:

Tham số	Miêu tả	Cần thiết
Apikey	Dùng để sử dụng esms api. (cung cấp khi đăng ký tài khoản tại esms.vn)	Có.
Secretkey		
RefId	ID của SMS được trả về sau khi gọi các lệnh gửi tin.	Có.

Thông tin trả về

Bạn đặt các loại trả về bằng cách sử dụng URL cơ sở. Bảng sau đây cho thấy trả về dự trong JSON hay XML:

JSON	XML
<pre>{ "CodeResult": "100", "ReceiverList": [{ "IsSent": true, "Phone": "XXXX", "SentResult": true }] }</pre>	<pre><SmsReceiver xmlns="http://schemas.datacontract.org/2004/07/AdvertisingAPI.Model" xmlns:i="http://www.w3.org/2001/XMLSchema-instance"> <CodeResult>100</CodeResult> <ReceiverList> <Receiver> <IsSent>true</IsSent> <Phone>XXXX</Phone> <SentResult>true</SentResult> </Receiver> </ReceiverList> </SmsReceiver></pre>

Thông tin mã lỗi

Mã	Ý nghĩa
105	Id không tồn tại trong hệ thống.

5. Hàm lấy danh sách tin nhắn theo khoảng thời gian

`http://rest.esms.vn/MainService.svc/json/GetSmsSentData_V1`

Các bạn cần gọi lệnh POST đến URL ở trên với data POST lên có dạng như sau:

<RQST>

<APIKEY>XXXXXXXXXX</APIKEY>

<SECRETKEY> XXXXXXXXXXXX </SECRETKEY>

<FROM>2020/02/27 00:00:00</FROM>

<TO>2020/02/28 23:59:59</TO>

</RQST>

Yêu cầu này bao gồm.

URL cơ sở

Tất cả các yêu cầu để SMS API phải bao gồm:

URL cơ sở của bạn sẽ sử dụng một trong hai:

JSON	XML
http://rest.esms.vn/MainService.svc /json/	http://rest.esms.vn/MainService.svc /xml/

Thông số

Bảng dưới đây cho thấy các thông số bạn sử dụng trong yêu cầu:

Tham số	Miêu tả	Cần thiết
Apikey	Dùng để sử dụng esms api. (cung cấp khi đăng ký tài khoản tại esms.vn)	Có.
Secretkey		
From	Thời gian bắt đầu (Định dạng: YYYY/MM/dd)	Có.
To	Thời gian kết thúc (Định dạng: YYYY/MM/dd)	Có

Thông tin trả về

Bạn đặt các loại trả về bằng cách sử dụng URL cơ sở. Bảng sau đây cho thấy trả về dự trong JSON hay XML:

JSON	XML
<div></div>	<div></div>

Thông tin kết quả

Trường	Ý nghĩa
SentTime	Thời gian gửi
ReferenceId	SMSID trả về từ các hàm gửi tin nhắn
SmsId	Id của tin nhắn trên giao diện
Phone	Số điện thoại
Content	Nội dung
SmsType	Loại tin nhắn
SentStatus	Trạng thái gửi
CodeResult	Mã kết quả của request

Trường	Ý nghĩa
ErrorMessage	Chi tiết lỗi nếu có

Thông tin mã lỗi

Mã	Ý nghĩa
SentTime	Thời gian gửi
Phone	Số điện thoại
Content	Nội dung
140	Thời gian không hợp lệ

6. Hàm lấy danh sách brandname

Cú pháp:

<http://rest.esms.vn/MainService.svc/json/GetListBrandname/{ApiKey}/{SecretKey}>

Yêu cầu này bao gồm.

URL cơ sở

Tất cả các yêu cầu để SMS API phải bao gồm:

URL cơ sở của bạn sẽ sử dụng một trong hai:

JSON	XML
http://rest.esms.vn/MainService.svc /json/	http://rest.esms.vn/MainService.svc /xml/

Thông số

Bảng dưới đây cho thấy các thông số bạn sử dụng trong yêu cầu:

Tham số	Miêu tả	Cần thiết
Apikey	Dùng để sử dụng esms api. (cung cấp khi đăng ký tài khoản tại esms.vn)	Có.
Secretkey		

Thông tin trả về

Bạn đặt các loại trả về bằng cách sử dụng **URL cơ sở**. Bảng sau đây cho thấy trả về dữ liệu trong JSON hay XML:

JSON	XML
<pre>{ "CodeResponse": "100", "ListBrandName": [{ "Brandname": "Test_Sang", "Type": 2 }, { "Brandname": "sangbrand", "Type": 2 }] }</pre>	<pre><BrandnameListModel xmlns="http://schemas.datacontract.org/2004/07/AdvertisingAPI.Model" xmlns:i="http://www.w3.org/2001/XMLSchema-instance"> <CodeResponse>100</CodeResponse> <ListBrandName> <listbrandname> <Brandname>Test_Sang</Brandname> <Type>2</Type> </listbrandname> <listbrandname> <Brandname>sangbrand</Brandname> <Type>2</Type> </listbrandname> </ListBrandName> </BrandnameListModel></pre>

Thông tin kết quả

Trường	Ý nghĩa						
Brandname	Brandname đăng ký						
Type	<table> <tr> <th>Mã</th><th>Ý nghĩa</th></tr> <tr> <td>1</td><td>Quảng cáo</td></tr> <tr> <td>2</td><td>Chăm sóc khách hàng</td></tr> </table>	Mã	Ý nghĩa	1	Quảng cáo	2	Chăm sóc khách hàng
Mã	Ý nghĩa						
1	Quảng cáo						
2	Chăm sóc khách hàng						

Thông tin mã lỗi

Mã	Ý nghĩa
101	Sai Api or Secretkey

7. Hàm lấy danh sách Template SMS có trong tài khoản

Đối với các Brandname SMS, các doanh nghiệp sẽ cần đăng ký Template là các tin nhắn mẫu với nhà mạng trước khi được gửi.

Hàm này cho phép lấy về danh sách các Template của 1 Brandname thuộc tài khoản của doanh nghiệp đã được kích hoạt và gán trên hệ thống eSMS.

Thông tin Request:

<http://restecom.esms.vn/MainService.svc/json/GetTemplate/>

Yêu cầu này bao gồm.

URL cơ sở

Tất cả các yêu cầu để SMS API phải bao gồm:

{

```

"ApiKey": "NHAPAPIKEYCUABAN",
"SecretKey": "NHAPSECRETKEYCUABAN",
"Brandname": "Baotrixemay",
"SmsType": "2"
}

```

URL cơ sở của bạn sẽ sử dụng một trong hai:

JSON	XML
http://restecom.esms.vn/MainService.svc /json/	http://restecom.esms.vn/MainService.svc /xml/

Thông số

Bảng dưới đây cho thấy các thông số bạn sử dụng trong yêu cầu:

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc		
ApiKey	Thông tin APIKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có		
SecretKey	Thông tin SecretKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có		
Brandname	Brandname của tài khoản	Có		
SmsType	<table><tr><td>2: brandname CSKH</td></tr><tr><td>8: Cố định 10 số, cố định giá rẻ</td></tr></table>	2: brandname CSKH	8: Cố định 10 số, cố định giá rẻ	Có
2: brandname CSKH				
8: Cố định 10 số, cố định giá rẻ				

Thông tin trả về

Bạn đặt các loại trả về bằng cách sử dụng URL cơ sở. Bảng sau đây cho thấy trả về dữ liệu trong JSON hay XML:

JSON	XML
------	-----

<pre> { "BrandnameTemplates": [{ "NetworkID": 4, "TempContent": "Baotrixemay da nhan duoc so tien thanh toa n {P2,20} VND luc {P2,20} cho don hang { P1,20}. Cam on quy khách!", "TempId": 466 }], "CodeResult": "100", "ErrorMessage": "success" } </pre>	<pre> <ListTemplateResponse xmlns= "http://schemas.datacontract.org/2004/07/AdvertisingAPI.Model" xmlns:i="http://www.w3.org/2001/XMLSchema-instance"> <BrandnameTemplates> <TemplateResponse> <NetworkID>4</NetworkID> <TempContent> Baotrixemay da nhan duoc so tien thanh toan {P2,20} VND luc { P2,20} cho don hang {P1,20}. Cam on quy khách!</ TempContent> <TempId>466</TempId> </TemplateResponse> </BrandnameTemplates> <CodeResult>100</CodeResult> <ErrorMessage>success</ErrorMessage> </ListTemplateResponse> </pre>
--	---

8. Hàm API Gencode

Hàm cho phép bạn gọi API tự động tạo ra mã code OTP và sau đó gửi đến người dùng. Với OTP code là ngẫu nhiên. Phần code này do ViHAT xử lí.

Thông tin Request:

http://rest.esms.vn/MainService.svc/json/SendMessageAutoGenCode_V5

Yêu cầu này bao gồm.

URL cơ sở

Tất cả các yêu cầu để SMS API phải bao gồm:

```

{
  "ApiKey": "NHAPAPIKEYCUABAN",
  "Phone": "NHAPSDT",
  "TimeAlive": "15",
  "SecretKey": "NHAPSECRETKEYCUABAN",
  "MultiChannelTempId": "XXXX",
  "CallbackUrl": "https://enaehghfyqxn.x.pipedream.net/",

```

"TypeId": "X"

}

Thông số

Bảng dưới đây cho thấy các thông số bạn sử dụng trong yêu cầu:

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc		
ApiKey	Thông tin APIKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có		
SecretKey	Thông tin SecretKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có		
Phone	Số điện thoại người nhận code	Có		
TimeAlive	Thời gian hiệu lực của mã code	Có		
MultiChannelTempId	Phần ID temp này sẽ được ViHAT cung cấp khi set up xong kịch bản zalo → SMS	Sử dụng khi TypeID = 2		
TypeID	<table><tr><td>1: Chỉ tạo ra mã Code</td></tr><tr><td>2: Tạo ra và gửi tin nhắn về máy</td></tr></table>	1: Chỉ tạo ra mã Code	2: Tạo ra và gửi tin nhắn về máy	Có
1: Chỉ tạo ra mã Code				
2: Tạo ra và gửi tin nhắn về máy				

Thông tin trả về

Bạn đặt các loại trả về bằng cách sử dụng URL cơ sở. Bảng sau đây cho thấy trả về dữ liệu trong JSON hay XML:

JSON Type 1	JSON type 2
--------------------	--------------------

<pre>{ "CodeResult": "200", "CountRegenerate": 0, "Message": "365628" }</pre>	<pre>{ "CodeResult": "100", "CountRegenerate": 0, "SMSID": "6cf76276-ce8f-4b30-af3b-dd0de3d889a293" }</pre>
---	---

Thông tin kết quả

Trường	Ý nghĩa
CodeResut	200 là Thành Công
CountRegerera te	Số lần tạo lại mã
Message	Mã tạo ra
SMSID	Mã tin nhắn

Thông tin mã lỗi

Mã	Ý nghĩa
101	Sai Api hoặc Secretkey
99	Dựa vào ErrorMessage để biết lỗi

9. Kết nối Mã Voucher

Mã voucher là chương trình thu thập thông tin khách hàng thông qua việc khách hàng nhắn tin theo cú pháp đã quy định và nhận được một mã khuyến mãi nhất định. Mỗi mã được áp dụng cho

một lần ưu đãi.

Khi doanh nghiệp tạo chương trình mã voucher, không chỉ đem ưu đãi, khuyến mãi dịch vụ đến cho khách hàng mà còn thu thập được số điện thoại và tên của khách. Đó là những thông tin quan trọng để thúc đẩy chiến lược Marketing cũng như chăm sóc khách hàng thật hiệu quả.

Để tạo chương trình này, bạn chỉ cần thực hiện kết nối theo hướng dẫn ở link:

<https://esms.vn/8041.pdf>

III. CÁC HÀM TẠO CUỘC GỌI TỰ ĐỘNG

1. Hàm lấy trạng thái cuộc gọi

Hàm cho phép bạn lấy trạng thái cuộc gọi.

Request:

Url Request có dạng:

<http://voiceapi.esms.vn/MainService.svc/json/GetSendStatus?ReferenceId={ReferenceId}&ApiKey={ApiKey}&SecretKey={SecretKey}>

Request mẫu: <http://voiceapi.esms.vn/MainService.svc/xml/GetSendStatus?ApiKey=xxxx&SecretKey=xxxx&ReferenceId=xxxx>

Request này bao gồm các phần:

- Phần URL cơ sở
- Các tham số

URL Cơ sở:

Ứng với mỗi dạng kết quả trả về mà phần URL cơ sở sẽ khác nhau là json hay xml

Trả về kết quả dạng JSON	Trả về kết quả dạng XML
http://voiceapi.esms.vn/MainService.svc /json/	http://voiceapi.esms.vn/MainService.svc /xml/

Thông số

Bảng dưới đây cho thấy các thông số bạn sử dụng trong yêu cầu:

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc

ReferenceId	Id cuộc gọi trả về sau khi gọi request tạo cuộc gọi	Có.
ApiKey	Thông tin APIKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có
SecretKey	Thông tin SecretKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có

Thông tin trả về

Tùy vào URL cơ sở mà bạn sử dụng, bạn sẽ nhận được kiểu dữ liệu của kết quả khác nhau. Bảng sau đây cho thấy trả về dữ liệu trong JSON hay XML:

JSON	XML
<pre>{ "CodeResponse": "100", "callduration": 24, "callstatus": "ANSWERED", "ivr": "2" }</pre>	<pre><voicestatusresult xmlns="http://schemas.datacontract.org/2004/07/Advertising API.Model" xmlns:i="http://www.w3.org/2001/XMLSchema -instance"> < CodeResponse >100</ CodeResponse > <callduration>24</callduration> <callstatus>ANSWERED</callstatus> <ivr>2</ivr> </voicestatusresult></pre>

Ý nghĩa các trường kết quả

Tham số	Sự miêu tả
---------	------------

CodeResponse	Kết quả của Request	
	Giá trị	Ý nghĩa
	100	Request hợp lệ.
	105	Không tìm thấy cuộc gọi
	101	Sai ApiKey hoặc SecretKey
CallStatus	Kết quả của cuộc gọi (ANSWERED: cuộc gọi được trả lời, NOANSWERED: cuộc gọi thất bại hoặc không ai bắt máy)	
CallDuration	Số giây cuộc gọi thực hiện	
Ivr	Phím phản hồi của người nghe	

2. Hàm tạo cuộc gọi tự động theo Template

Hàm cho phép bạn gửi tin nhắn thoại đến 1 số điện thoại bởi mẫu cuộc gọi đã được tạo sẵn trên hệ thống.

Request:

Url Request có dạng:

http://voiceapi.esms.vn/MainService.svc/json/MakeCallTemplate_V2?ApiKey={ApiKey}&SecretKey={SecretKey}&TemplateId={TemplateId}&Phone={Phone}&VariableListStr={VariableListStr}&SendDate={SendDate}&Voice={Voice}&Speed={Speed}&CallbackUrl={CallbackUrl}&RequestId={RequestId}

Request mẫu:

http://voiceapi.esms.vn/MainService.svc/xml/MakeCallTemplate_V2?ApiKey=xxxx&SecretKey=xxxx&TemplateId=xxxx&Phone=xxxx&VariableListStr=xxxx

Request này bao gồm các phần:

- Phần URL cơ sở
- Các tham số

URL Cơ sở:

Ứng với mỗi dạng kết quả trả về mà phần URL cơ sở sẽ khác nhau là json hay xml

Trả về kết quả dạng JSON	Trả về kết quả dạng XML
http://voiceapi.esms.vn/MainService.svc /json/	http://voiceapi.esms.vn/MainService.svc /xml/

Thông số

Bảng dưới đây cho thấy các thông số bạn sử dụng trong yêu cầu:

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc
Phone	Số điện thoại người nhận	Có.
TemplateId	Id mẫu cuộc gọi đăng ký trên trang account.esms.vn	Có.
ApiKey	Thông tin APIKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có
SecretKey	Thông tin SecretKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có
VariableList Str	Chuỗi biến chứa danh sách giá trị các biến của mẫu cuộc gọi, cách nhau bởi dấu " ", thứ tự các biến từ trái sang phải. Ví dụ: Trung 20000 (Giá trị biến 1: Trung, Giá trị biến 2: 20000)	Có khi mẫu cuộc gọi có biến
SendDate	Đặt lịch gửi tin (định dạng: yyyy/MM/dd hh:mm:ss) Ví dụ: 2017/12/12 14:00:00	Không
Voice	Giọng đọc biến, có các giá trị sau đây: + male: giọng nam miền Bắc + female: giọng nữ miền Bắc + hatieumai: giọng nữ miền Nam + ngoclam: giọng nữ Huế	Không
Speed	Tốc độ đọc biến, có các giá trị sau đây: + -3: rất chậm + -2: khá chậm + -1: chậm + 0: bình thường + 1: nhanh + 2: khá nhanh + 3: rất nhanh	Không

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc
CallbackUrl	<p>Url nhận callback kết quả cuộc gọi (mẫu: http://xxxx.com?ReferenceId=&CallDuration=&CallStatus=&Ivr=&Price=&SentResult&CID=)</p> <ul style="list-style-type: none"> - CallDuration: độ dài cuộc gọi - CallStatus: kết quả cuộc gọi (ANSWERED, NO ANSWER) - Ivr: phím bấm của khách hàng - Price: giá cuộc gọi - SentResult: Kết quả gửi tin qua nhà mạng (0: thất bại, 1: thành công) - CID: đầu số gửi tin 	Không
RequestId	<p>ID Tin nhắn của đối tác, dùng để kiểm tra ID này đã được hệ thống esms tiếp nhận trước đó hay chưa. Ví dụ: requestid=123456</p>	Không

Thông tin trả về

Tùy vào URL cơ sở mà bạn sử dụng, bạn sẽ nhận được kiểu dữ liệu của kết quả khác nhau. Bảng sau đây cho thấy trả về dữ trong JSON hay XML:

JSON	XML
<pre>{ "CodeResult": "100", "SMSID": "8eb2af6d-fb4c-4814-b9cc-4c0e3ed32edf" }</pre>	<pre><SmsResultModel xmlns="http://schemas.datacontract.org/2004/07/Advertising API.Model" xmlns:i="http://www.w3.org/2001/XMLSchema -instance"> <CodeResult>100</CodeResult> <SMSID>8eb2af6d-fb4c-4814-b9cc-4c0e3ed32edf </SMSID> </SmsResultModel></pre>

Ý nghĩa các trường kết quả

Tham số	Sự miêu tả														
CodeResult	Kết quả của Request														
	<table><tr><th>Giá trị</th><th>Ý nghĩa</th></tr><tr><td>100</td><td>Request đã được nhận và xử lý thành công.</td></tr><tr><td>104</td><td>Mẫu cuộc gọi không tồn tại</td></tr><tr><td>105</td><td>Danh sách biến của mẫu tin không hợp lệ</td></tr><tr><td>102</td><td>Chưa có bảng giá</td></tr><tr><td>103</td><td>Số dư tài khoản không đủ</td></tr><tr><td>99</td><td>Lỗi không xác định</td></tr></table>	Giá trị	Ý nghĩa	100	Request đã được nhận và xử lý thành công.	104	Mẫu cuộc gọi không tồn tại	105	Danh sách biến của mẫu tin không hợp lệ	102	Chưa có bảng giá	103	Số dư tài khoản không đủ	99	Lỗi không xác định
	Giá trị	Ý nghĩa													
	100	Request đã được nhận và xử lý thành công.													
	104	Mẫu cuộc gọi không tồn tại													
	105	Danh sách biến của mẫu tin không hợp lệ													
	102	Chưa có bảng giá													
	103	Số dư tài khoản không đủ													
	99	Lỗi không xác định													
SMSID	ID của tin nhắn thoại mới được tạo ra trên hệ thống eSMS. Dùng ID này để query lấy trạng thái tin nhắn thoại.														

3. Hàm tạo cuộc gọi tự động từ file ghi âm

Hàm cho phép bạn gửi tin nhắn thoại đến 1 số điện thoại bởi file ghi âm đã tạo.

Request:

Url Request có dạng:

<http://voiceapi.esms.vn/MainService.svc/json>

[/MakeCallRecord_V2?ApiKey={ApiKey}&SecretKey={SecretKey}&TemplateId={RecordId}&Phone={Phone}&SendDate={SendDate}&NumberForward={NumberForward}&MaxRepeat={MaxRepeat}&MaxRetry={MaxRetry}&Ivr={Ivr}&TimeWaitToIvr={TimeWaitToIvr}&WaitRetry={WaitRetry}&CallbackUrl={CallbackUrl}&RequestId={RequestId}](#)

Request mẫu:

http://voiceapi.esms.vn/MainService.svc/xml/MakeCallRecord_V2?ApiKey=xxxx&SecretKey=xxxx&TemplateId=xxxx&Phone=xxxx&RequestId=686868&SendDate=2017/12/12
14:00:00

Request này bao gồm các phần:

- Phần URL cơ sở
- Các tham số

URL Cơ sở:

Ứng với mỗi dạng kết quả trả về mà phần URL cơ sở sẽ khác nhau là json hay xml

Trả về kết quả dạng JSON	Trả về kết quả dạng XML
http://voiceapi.esms.vn/MainService.svc/json/	http://voiceapi.esms.vn/MainService.svc/xml/

Thông số

Bảng dưới đây cho thấy các thông số bạn sử dụng trong yêu cầu:

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc
Phone	Số điện thoại người nhận	Có.
TemplateId	Id file ghi âm tạo trên trang account.esms.vn	Có.
ApiKey	Thông tin APIKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có
SecretKey	Thông tin SecretKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có
NumberForward	Số điện thoại được chuyển đến khi nhập đúng Ivrr	Không
SendDate	Đặt lịch gửi tin (định dạng: yyyy/MM/dd hh:mm:ss) Ví dụ: 2017/12/12 14:00:00	Không
MaxRepeat	Số lần lặp lại file ghi âm khi nghe	Không
MaxRetry	Số lần gọi lại khi người nhận không bắt máy	Không
Ivrr	Phím quy định khi người nhận bấm để chuyển số (phím từ: 0-9)	Không
	Thời gian chờ tối đa để người gọi nhấn phím	Không

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc
TimeWaitToIvr		
WaitRetry	Khoảng cách giữa các lần gọi lại khi người nhận không bắt máy (đơn vị: giây)	Không
CallbackUrl	<p>Url nhận callback kết quả cuộc gọi (mẫu: http://xxxx.com?ReferenceId=&CallDuration=&CallStatus=&Ivr=&Price=&SentResult&CID=)</p> <ul style="list-style-type: none"> - CallDuration: độ dài cuộc gọi - CallStatus: kết quả cuộc gọi (ANSWERED, NO ANSWER) - Ivr: phím bấm của khách hàng - Price: giá cuộc gọi - SentResult: Kết quả gửi tin qua nhà mạng (0: thất bại, 1: thành công) - CID: đầu số gửi tin 	Không
RequestId	<p>ID Tin nhắn của đối tác, dùng để kiểm tra ID này đã được hệ thống esms tiếp nhận trước đó hay chưa. Ví dụ: requestid=123456</p>	Không

Thông tin trả về

Tùy vào URL cơ sở mà bạn sử dụng, bạn sẽ nhận được kiểu dữ liệu của kết quả khác nhau. Bảng sau đây cho thấy trả về dự trong JSON hay XML:

JSON	XML
<pre> { "CodeResult": "100", "SMSID": "8eb2af6d-fb4c-4814-b9cc-4c0e3ed32edf " } </pre>	<pre> <SmsResultModel xmlns="http://schemas.datacontract.org/2004/07/Advertising API.Model" xmlns:i="http://www.w3.org/2001/XMLSchema -instance"> <CodeResult>100</CodeResult> <SMSID>8eb2af6d-fb4c-4814-b9cc-4c0e3ed32edf </SMSID> </SmsResultModel> </pre>

Ý nghĩa các trường kết quả

Tham số	Sự miêu tả														
CodeResult	Kết quả của Request														
	<table><tr><th>Giá trị</th><th>Ý nghĩa</th></tr><tr><td>100</td><td>Request đã được nhận và xử lý thành công.</td></tr><tr><td>106</td><td>File ghi âm không tồn tại</td></tr><tr><td>105</td><td>Danh sách biến của mẫu tin không hợp lệ</td></tr><tr><td>102</td><td>Chưa có bảng giá</td></tr><tr><td>103</td><td>Số dư tài khoản không đủ</td></tr><tr><td>99</td><td>Lỗi không xác định</td></tr></table>	Giá trị	Ý nghĩa	100	Request đã được nhận và xử lý thành công.	106	File ghi âm không tồn tại	105	Danh sách biến của mẫu tin không hợp lệ	102	Chưa có bảng giá	103	Số dư tài khoản không đủ	99	Lỗi không xác định
	Giá trị	Ý nghĩa													
	100	Request đã được nhận và xử lý thành công.													
	106	File ghi âm không tồn tại													
	105	Danh sách biến của mẫu tin không hợp lệ													
	102	Chưa có bảng giá													
	103	Số dư tài khoản không đủ													
99	Lỗi không xác định														
SMSID	ID của tin nhắn thoại mới được tạo ra trên hệ thống eSMS. Dùng ID này để query lấy trạng thái tin nhắn thoại.														

4. Hàm tạo cuộc gọi OTP

Hàm cho phép bạn gửi tin nhắn thoại đến 1 số điện thoại là mã OTP mà bạn muốn gửi đến khách

Request:

Url Request có dạng:

http://rest.esms.vn/MainService.svc/json/SendMultipleMessage_V4_get?SmsType=8ApiKey={ApiKey}&SecretKey={SecretKey}&Phone={Phone}&Content={OTP}

Request mẫu:

http://rest.esms.vn/MainService.svc/json/SendMultipleMessage_V4_get?SmsType=8ApiKey=XXXX&SecretKey=XXXXX&Phone=09xxxxx&Content=6868

Request này bao gồm các phần:

- Phần URL cơ sở
- Các tham số

URL Cơ sở:

Trả về kết quả dạng JSON

<http://rest.esms.vn/MainService.svc/json>

Thông số

Bảng dưới đây cho thấy các thông số bạn sử dụng trong yêu cầu:

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc
Phone	Số điện thoại người nhận	Có.
ApiKey	Thông tin APIKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có
SecretKey		Có

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc
	Thông tin SecretKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	
Code	Mã OTP gọi đến khách hàng	Có
SmsType	SmsType=8	Có

Thông tin trả về

Tùy vào URL cơ sở mà bạn sử dụng, bạn sẽ nhận được kiểu dữ liệu của kết quả khác nhau. Bảng sau đây cho thấy trả về dữ trong JSON hay XML:

JSON
<pre>{ "CodeResult": "100", "SMSID": "8eb2af6d-fb4c-4814-b9cc-4c0e3ed32edf " }</pre>

Ý nghĩa các trường kết quả

Tham số	Sự miêu tả
---------	------------

CodeResult	Kết quả của Request	
	Giá trị	Ý nghĩa
	100	Request đã được nhận và xử lý thành công.
	104	Mẫu cuộc gọi không tồn tại
	105	Danh sách biến của mẫu tin không hợp lệ
	102	Chưa có bảng giá
	103	Số dư tài khoản không đủ
	99	Lỗi không xác định
	106	File ghi âm không tồn tại
	107	Sai số điện thoại
SMSID	ID của tin nhắn thoại mới được tạo ra trên hệ thống eSMS. Dùng ID này để query lấy trạng thái tin nhắn thoại.	

IV. CÁC HÀM LIÊN QUAN ĐẾN TIN OTT: ZALO ZNS VÀ VIBER

1. Hàm gửi tin nhắn thông báo Zalo – Zalo ZNS

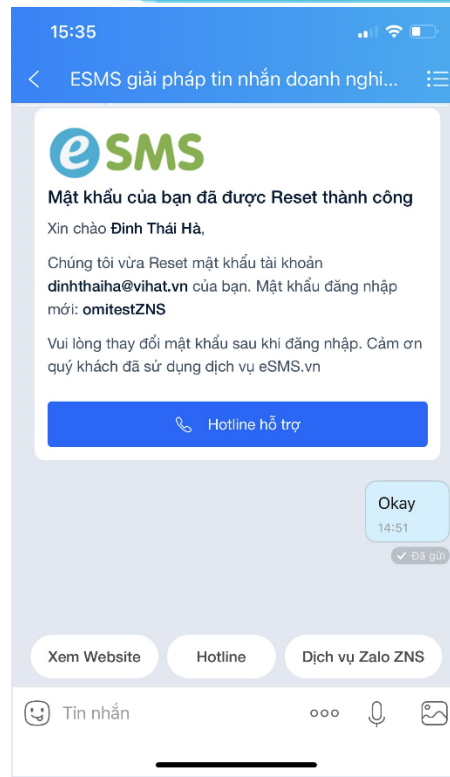
Hàm cho phép bạn gửi tin nhắn đến 1 hoặc nhiều số điện thoại đã đăng kí Zalo.

Hàm cho phép bạn gửi tin nhắn đến 1 hoặc nhiều số điện thoại đã đăng kí Zalo.

Để có thể gửi được tin ZNS bạn cần tiến hành:

- Đăng ký và xác thực Zalo Official Account (Zalo OA)
- Đăng ký template tin nhắn

Để hoàn thành các việc trên vui lòng liên hệ nhân viên kinh doanh hỗ trợ của bạn hoặc Hotline 0901888484



Một tin ZNS mẫu

a) Thông tin Request

http://rest.apiesms.com/MainService.svc/xml/SendZaloMessage_V4_post_json/

Các bạn cần gọi lệnh POST đến URL ở trên với data POST lên có dạng như sau:

```
{
  "ApiKey": "XXXXXXXXXXXXXXXXXX",
  "SecretKey": "ZZZZZZZZZZZZZZZZZZ",
  "Phone": "0842090998",
  "Params": ["value1","value2","value3"],
  "TempID": "686868",
  "RequestId": "daylarequestcuaban",
  "OAID": "35897654231871",
  "campaignid": "Tên chiến dịch của bạn",
  "CallbackUrl": "https://webhook.site/a45547f8-b6b2-44e0-90f6-64dc67465761?",
}
```

Thông số

Bảng dưới đây cho thấy các thông số bạn sử dụng trong yêu cầu:

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc
Phone	Số điện thoại người nhận	Có.
Params	<p>Giá trị cần truyền cho các biến trong Template</p> <p>*Lưu ý:</p> <p>1. Các tham số truyền vào phải đúng thứ tự như template bạn đăng ký</p> <p>2. Nếu tham số trùng nhau chỉ cần truyền vào một tham số</p>	Có.
ApiKey	Thông tin APIKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có
SecretKey	Thông tin SecretKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có
TempID	Template của Zalo OA mà khách hàng đăng kí với eSMS	Có
OAID	<p>Zalo OA ID, là ID của trang Zalo Official Account của doanh nghiệp.</p> <p>Doanh nghiệp cần đăng nhập vào trang quản trị của Zalo OA để lấy phần Zalo OA ID này.</p> <p>Chú ý: sẽ phải đăng ký trước khi sử dụng.</p>	Có
RequestId	<p>ID Tin nhắn của đối tác, dùng để kiểm tra ID này đã được hệ thống esms tiếp nhận trước đó hay chưa.</p> <p>Ví dụ: requestid=123456</p>	Không
campaignid	Tên chiến dịch gửi tin, tối đa 254 ký tự	Không
CallbackUrl	<p>eSMS sẽ trả về kết quả của tin nhắn này</p> <p>Callback examples:</p> <p>https://esms.vn/receivecallback/?SMSID=01587c8b-76fd-4j15-98c4-</p>	Không

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc
	<p>05f19aa5891210&SendFailed=0&SendStatus=5&SendSuccess=1&TotalPrice=790.0000&TotalReceiver=1&TotalSent=1&RequestId=123123&TypeId=2&telcoid=3</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> SMSID: Mã tin nhắn, được trả về sau khi gọi API gửi tin - SendFailed: Tổng số tin gửi thất bại - SendStatus: <ul style="list-style-type: none"> + 1: Chờ duyệt + 2: Đang chờ gửi + 3: Đang gửi + 4: Bị từ chối + 5: Đã gửi xong + 6: Đã bị xoá - SendSuccess: Tổng số tin nhắn gửi thành công - TotalPrice: Tổng số tiền gửi tin - TotalReceiver: Tổng số người nhận - RequestId - telcoid: <ul style="list-style-type: none"> + 1: Viettel + 2: Mobi + 3: Vina + 4: Vietnammobile + 5: Gtel + 6: ITel - TotalSent: Tổng số tin nhắn cần gửi tin 	

Thông tin trả về

Tùy vào URL cơ sở mà bạn sử dụng, bạn sẽ nhận được kiểu dữ liệu của kết quả khác nhau. Bảng sau đây cho thấy trả về dự trong JSON hay XML:

--	--

JSON	XML
<pre> { "CodeResult": "100", "CountRegenerate": "0", "SMSID": "cc955fb8-3c74-4851-ac69-9a2aa0a7cd26134" } </pre>	<pre> <SmsResultModel xmlns="http://schemas.datacontract.org/2004/07/Advertising API.Model" xmlns:i="http://www.w3.org/2001/XMLSchema -instance"> <CodeResult>100</CodeResult> <CountRegenerate>0</CountRegenerate> <SMSID>cc955fb8-3c74-4851-ac69- 9a2aa0a7cd26134</SMSID> </SmsResultModel> </pre>

Ý nghĩa các trường kết quả

Tham số	Sự miêu tả																				
CodeResult	Kết quả của Request																				
	<table><tr><th>Giá trị</th><th>Ý nghĩa</th></tr><tr><td>100</td><td>Request đã được nhận và xử lý thành công.</td></tr><tr><td>101</td><td>Sai ApiKey hoặc ScretKey</td></tr><tr><td>103</td><td>Tài khoản không đủ tiền gửi tin</td></tr><tr><td>104</td><td>Brandname không tồn tại hoặc đã bị hủy</td></tr><tr><td>118</td><td>Loại tin nhắn không hợp lệ</td></tr><tr><td>119</td><td>Sai TempID</td></tr><tr><td>99</td><td>Lỗi không xác định</td></tr><tr><td>101</td><td>Sai ApiKey hoặc SecretKey</td></tr><tr><td>103</td><td>Tài khoản không đủ tiền</td></tr></table>	Giá trị	Ý nghĩa	100	Request đã được nhận và xử lý thành công.	101	Sai ApiKey hoặc ScretKey	103	Tài khoản không đủ tiền gửi tin	104	Brandname không tồn tại hoặc đã bị hủy	118	Loại tin nhắn không hợp lệ	119	Sai TempID	99	Lỗi không xác định	101	Sai ApiKey hoặc SecretKey	103	Tài khoản không đủ tiền
	Giá trị	Ý nghĩa																			
	100	Request đã được nhận và xử lý thành công.																			
	101	Sai ApiKey hoặc ScretKey																			
	103	Tài khoản không đủ tiền gửi tin																			
	104	Brandname không tồn tại hoặc đã bị hủy																			
	118	Loại tin nhắn không hợp lệ																			
	119	Sai TempID																			
	99	Lỗi không xác định																			
	101	Sai ApiKey hoặc SecretKey																			
103	Tài khoản không đủ tiền																				
SMSID	ID của tin nhắn mới được tạo ra trên hệ thống eSMS. Dùng ID này để query lấy trạng thái tin nhắn.																				

2. Hàm gửi tin nhắn Multi-Channel

Giải pháp Multi-Channel Messaging API cho phép bạn gửi tin nhắn đến khách hàng đi qua các kênh giao tiếp khác nhau như Zalo → SMS theo các thứ tự ưu tiên.

Trong đó đối với tin Zalo (ZNS) bạn cần phải đăng ký trước template như phần hướng dẫn ở mục trên.

Thông tin Request

<http://rest.apiesms.com/MainService.svc/json/MultiChannelMessage/>

Các bạn cần gọi lệnh POST đến URL ở trên với data POST lên có dạng như sau:

```

{
  "ApiKey": "ZZZZZZ",
  "SecretKey": "XXXXXXXXXXXXXX",
  "Phone": "0350000026",

```

```
"Channels": [
  "zalo",
  "sms"
],
"Data": [
  {
    "OAID": "436181207180",
    "TempID": "200300",
    "Params": [
      "Value1",
      "Value2"
    ],
    "campaignid": "Tên chiến dịch gửi tin",
    "CallbackUrl": " https://esms.vn/receivecallback/?"
  },
  {
    "Content": "Thông tin đơn hàng STP496793956PS đã đơn hàng",
    "IsUnicode": 0,
    "SmsType": 2,
    "Brandname": "eSMS",
    "RequestId": "686868",
    "campaignid": "Tên chiến dịch gửi tin",
    "CallbackUrl": "https://esms.vn/receivecallback/?"
  }
]
}
```

Thông số

Bảng dưới đây cho thấy các thông số bạn sử dụng trong yêu cầu:

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc						
Phone	Số điện thoại người nhận	Có.						
Channels	Các kênh cần gửi	Có.						
	<table><tr><th>Giá trị</th><th>Ý nghĩa</th></tr><tr><td>zalo</td><td>Gửi tin nhắn Zalo</td></tr><tr><td>sms</td><td>Tin nhắn văn bản</td></tr></table>		Giá trị	Ý nghĩa	zalo	Gửi tin nhắn Zalo	sms	Tin nhắn văn bản
	Giá trị		Ý nghĩa					
	zalo		Gửi tin nhắn Zalo					
sms	Tin nhắn văn bản							

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc	
ApiKey	Thông tin APIKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có	
SecretKey	Thông tin SecretKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có	
campaignid	Tên chiến dịch gửi tin của bạn, tối đa 254 ký tự	Không	
Data	Dữ liệu các kênh		
	Giá trị	Ý nghĩa	Bắt buộc
	TempID	Template mà khách hàng đăng kí với eSMS	Có
	OAID	Zalo OA ID, là ID của trang Zalo Official Account của doanh nghiệp. Doanh nghiệp cần đăng nhập vào trang quản trị của Zalo OA để lấy phần Zalo OA ID này. Chú ý: sẽ phải đăng ký trước khi sử dụng.	Có
	Params	Nội dung gửi đến người nhận *Lưu ý: 1. Các tham số truyền vào phải đúng thứ tự như template bạn đăng ký 2. Nếu tham số trùng nhau chỉ cần truyền vào một tham số	Có

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc												
	<table> <tr> <th>Giá trị</th><th>Ý nghĩa</th><th>Bắt buộc</th></tr> <tr> <td>Content</td><td>Nội dung tin nhắn văn bản gửi đến khách hàng khi thất bại tin Zalo</td><td>Có</td></tr> <tr> <td>IsUnicode</td><td>Gửi tin nhắn có dấu 1: Bật 0: Tắt</td><td>Không</td></tr> <tr> <td>SmsType</td><td> <p>Là loại tin nhắn muốn sử dụng, mỗi loại sẽ có đầu số hiển thị khác nhau và chi phí khác nhau.</p> <p>Vui lòng liên hệ hotline 0901.888.484 để được tư vấn cụ thể hơn</p> <p>2: Brandname chăm sóc khách hàng</p> <p>Khuyến khích sử dụng loại tin nhắn này. Bạn cần liên hệ nhân viên kinh Doanh hoặc hotline 0901.888.484 để đăng ký Brandname riêng của mình.</p> <p>Để test bạn vui lòng sử dụng Brandname: Baotrixemay</p> <p>Với các mẫu sau:</p> <p>[^]{0,20} là mã đặt lại mật khẩu Baotrixemay của bạn</p> <p>[^]{0,20} là mã xác minh đăng ký Baotrixemay của bạn</p> <p>Cam ơn quý khách đã sử dụng dịch vụ của chúng tôi. Chúc quý khách một ngày tốt lành!</p> </td><td>Có</td></tr> </table>	Giá trị	Ý nghĩa	Bắt buộc	Content	Nội dung tin nhắn văn bản gửi đến khách hàng khi thất bại tin Zalo	Có	IsUnicode	Gửi tin nhắn có dấu 1: Bật 0: Tắt	Không	SmsType	<p>Là loại tin nhắn muốn sử dụng, mỗi loại sẽ có đầu số hiển thị khác nhau và chi phí khác nhau.</p> <p>Vui lòng liên hệ hotline 0901.888.484 để được tư vấn cụ thể hơn</p> <p>2: Brandname chăm sóc khách hàng</p> <p>Khuyến khích sử dụng loại tin nhắn này. Bạn cần liên hệ nhân viên kinh Doanh hoặc hotline 0901.888.484 để đăng ký Brandname riêng của mình.</p> <p>Để test bạn vui lòng sử dụng Brandname: Baotrixemay</p> <p>Với các mẫu sau:</p> <p>[^]{0,20} là mã đặt lại mật khẩu Baotrixemay của bạn</p> <p>[^]{0,20} là mã xác minh đăng ký Baotrixemay của bạn</p> <p>Cam ơn quý khách đã sử dụng dịch vụ của chúng tôi. Chúc quý khách một ngày tốt lành!</p>	Có	
Giá trị	Ý nghĩa	Bắt buộc												
Content	Nội dung tin nhắn văn bản gửi đến khách hàng khi thất bại tin Zalo	Có												
IsUnicode	Gửi tin nhắn có dấu 1: Bật 0: Tắt	Không												
SmsType	<p>Là loại tin nhắn muốn sử dụng, mỗi loại sẽ có đầu số hiển thị khác nhau và chi phí khác nhau.</p> <p>Vui lòng liên hệ hotline 0901.888.484 để được tư vấn cụ thể hơn</p> <p>2: Brandname chăm sóc khách hàng</p> <p>Khuyến khích sử dụng loại tin nhắn này. Bạn cần liên hệ nhân viên kinh Doanh hoặc hotline 0901.888.484 để đăng ký Brandname riêng của mình.</p> <p>Để test bạn vui lòng sử dụng Brandname: Baotrixemay</p> <p>Với các mẫu sau:</p> <p>[^]{0,20} là mã đặt lại mật khẩu Baotrixemay của bạn</p> <p>[^]{0,20} là mã xác minh đăng ký Baotrixemay của bạn</p> <p>Cam ơn quý khách đã sử dụng dịch vụ của chúng tôi. Chúc quý khách một ngày tốt lành!</p>	Có												

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc												
	<table> <tr> <th>Giá trị</th><th>Ý nghĩa</th><th>Bắt buộc</th></tr> <tr> <td></td><td> 8: Tin nhắn đầu số cố định 10 số, chuyên dùng cho chăm sóc khách hàng. Bạn cần phải đăng ký mẫu tin nhắn trước với bộ phận kinh doanh để đăng ký và sử dụng. </td><td></td></tr> <tr> <td>Brandname</td><td> Tên Brandname (tên công ty hay tổ chức khi gửi tin sẽ hiển thị trên tin nhắn đó). Chú ý: sẽ phải đăng ký trước khi sử dụng. </td><td> SmsType=2 Bạn phải truyền Brandname SmsType=8 sẽ không truyền </td></tr> <tr> <td>RequestId</td><td> ID Tin nhắn của đối tác, dùng để kiểm tra ID này đã được hệ thống esms tiếp nhận trước đó hay chưa. Ví dụ: requestid=123456 </td><td>Không</td></tr> </table>	Giá trị	Ý nghĩa	Bắt buộc		8: Tin nhắn đầu số cố định 10 số, chuyên dùng cho chăm sóc khách hàng. Bạn cần phải đăng ký mẫu tin nhắn trước với bộ phận kinh doanh để đăng ký và sử dụng.		Brandname	Tên Brandname (tên công ty hay tổ chức khi gửi tin sẽ hiển thị trên tin nhắn đó). Chú ý: sẽ phải đăng ký trước khi sử dụng.	SmsType=2 Bạn phải truyền Brandname SmsType=8 sẽ không truyền	RequestId	ID Tin nhắn của đối tác, dùng để kiểm tra ID này đã được hệ thống esms tiếp nhận trước đó hay chưa. Ví dụ: requestid=123456	Không	
Giá trị	Ý nghĩa	Bắt buộc												
	8: Tin nhắn đầu số cố định 10 số, chuyên dùng cho chăm sóc khách hàng. Bạn cần phải đăng ký mẫu tin nhắn trước với bộ phận kinh doanh để đăng ký và sử dụng.													
Brandname	Tên Brandname (tên công ty hay tổ chức khi gửi tin sẽ hiển thị trên tin nhắn đó). Chú ý: sẽ phải đăng ký trước khi sử dụng.	SmsType=2 Bạn phải truyền Brandname SmsType=8 sẽ không truyền												
RequestId	ID Tin nhắn của đối tác, dùng để kiểm tra ID này đã được hệ thống esms tiếp nhận trước đó hay chưa. Ví dụ: requestid=123456	Không												
CallbackUrl	eSMS sẽ trả về kết quả của tin nhắn này Callback examples: https://esms.vn/receivecallback/?SMSID=01587c8b-76fd-4j15-98c4-05f19aa5891210&SendFailed=0&SendStatus=5&SendSuccess=1&TotalPrice=790.0000&TotalReceiver=1&TotalSent=1&RequestId=123123&TypeId=2&telcoid=3 Trong đó: SMSID: Mã tin nhắn, được trả về sau khi gọi API gửi tin - SendFailed: Tổng số tin gửi thất bại - SendStatus: + 1: Chờ duyệt													

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc
	<ul style="list-style-type: none"> + 2: Đang chờ gửi + 3: Đang gửi + 4: Bị từ chối + 5: Đã gửi xong + 6: Đã bị xoá - SendSuccess: Tổng số tin nhắn gửi thành công - TotalPrice: Tổng số tiền gửi tin - TotalReceiver: Tổng số người nhận - RequestId - telcpoid: (trạng thái này sẽ không trả về nếu tin Zalo thành công) <ul style="list-style-type: none"> + 1: Viettel + 2: Mobi + 3: Vina + 4: Vietnammobile + 5: Gtel + 6: ITel - TypeId: Loại tin nhắn gửi - TotalSent: Tổng số tin nhắn cần gửi tin 	

Thông tin trả về

Tùy vào URL cơ sở mà bạn sử dụng, bạn sẽ nhận được kiểu dữ liệu của kết quả khác nhau. Bảng sau đây cho thấy trả về dữ trong JSON hay XML:

JSON	XML
<pre>{ "CodeResult": "100", "CountRegenerate": "0", "SMSID": " cc955fb8-3c74-4851-ac69-9a2aa0a7cd26134"</pre>	<pre><SmsResultModel xmlns="http://schemas.datacontract.org/2004/07/Advertising API.Model" xmlns:i="http://www.w3.org/2001/XMLSchema -instance"> <CodeResult>100</CodeResult> < CountRegenerate >0</ CountRegenerate ></pre>

```
}
```

```
<SMSID> cc955fb8-3c74-4851-ac69-9a2aa0a7cd26134</SMSID>

</SmsResultModel>
```

Ý nghĩa các trường kết quả

Tham số	Sự miêu tả																				
CodeResult	Kết quả của Request																				
	<table><tr><th>Giá trị</th><th>Ý nghĩa</th></tr><tr><td>100</td><td>Request đã được nhận và xử lý thành công.</td></tr><tr><td>101</td><td>Sai ApiKey hoặc ScretKey</td></tr><tr><td>103</td><td>Tài khoản không đủ tiền gửi tin</td></tr><tr><td>104</td><td>Brandname không tồn tại hoặc đã bị hủy</td></tr><tr><td>118</td><td>Loại tin nhắn không hợp lệ</td></tr><tr><td>119</td><td>Sai TempID</td></tr><tr><td>99</td><td>Lỗi không xác định</td></tr><tr><td>101</td><td>Sai ApiKey hoặc SecretKey</td></tr><tr><td>103</td><td>Tài khoản không đủ tiền</td></tr></table>	Giá trị	Ý nghĩa	100	Request đã được nhận và xử lý thành công.	101	Sai ApiKey hoặc ScretKey	103	Tài khoản không đủ tiền gửi tin	104	Brandname không tồn tại hoặc đã bị hủy	118	Loại tin nhắn không hợp lệ	119	Sai TempID	99	Lỗi không xác định	101	Sai ApiKey hoặc SecretKey	103	Tài khoản không đủ tiền
	Giá trị	Ý nghĩa																			
	100	Request đã được nhận và xử lý thành công.																			
	101	Sai ApiKey hoặc ScretKey																			
	103	Tài khoản không đủ tiền gửi tin																			
	104	Brandname không tồn tại hoặc đã bị hủy																			
	118	Loại tin nhắn không hợp lệ																			
	119	Sai TempID																			
	99	Lỗi không xác định																			
	101	Sai ApiKey hoặc SecretKey																			
	103	Tài khoản không đủ tiền																			
SMSID	ID của tin nhắn mới được tạo ra trên hệ thống eSMS. Dùng ID này để query lấy trạng thái tin nhắn.																				

3. Hàm lấy danh sách Zalo OA có trong tài khoản eSMS
Để có thể thực hiện các thao tác gửi tin/nhận tin Zalo trên eSMS, doanh nghiệp cần đăng nhập vào eSMS.vn sau đó cấp quyền cho ứng dụng eSMS được phép kết nối đến Zalo OA của doanh nghiệp.

Sau khi cấp quyền, Zalo OA này sẽ được lưu vào tài khoản eSMS của doanh nghiệp.
Hàm này cho phép lấy về danh sách các Zalo OA của doanh nghiệp đã được lưu trên hệ thống eSMS.

Thông tin Request:

<http://restecom.esms.vn/MainService.svc/json/ZNS/GetListZOA/>

Yêu cầu này bao gồm.

URL cơ sở

Tất cả các yêu cầu để SMS API phải bao gồm:

```
{  
  "ApiKey": "NHAPAPIKEYCUABAN",  
  "SecretKey": "NHAPSECRETKEYCUABAN"  
}
```

URL cơ sở của bạn sẽ sử dụng một trong hai:

JSON	XML
http://restecom.esms.vn/MainService.svc /json/	http://restecom.esms.vn/MainService.svc /xml/

Thông số

Bảng dưới đây cho thấy các thông số bạn sử dụng trong yêu cầu:

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc
ApiKey	Thông tin APIKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có
SecretKey	Thông tin SecretKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có

Thông tin trả về

Bạn đặt các loại trả về bằng cách sử dụng URL cơ sở. Bảng sau đây cho thấy trả về dữ trong JSON hay XML:

JSON	XML
<pre>{ "CodeResult": "100", "ErrorMessage": "success", "ZOAList": [{ "OAID": "4163728256688863813", "OAName": "Đồ Da Gence" }, { "OAID": "4361812075662036180", "OAName": "ESMS giải pháp tin nhắn doanh nghiệp" }, { "OAID": "4097311281936189049", "OAName": "SVoucher" }] }</pre>	<pre><ZNSOAResponse xmlns= "http://schemas.datacontract.org/2004/07/AdvertisingAPI.Model" xmlns:i="http://www.w3.org/2001/XMLSchema-instance"> <CodeResult>100</CodeResult> <ErrorMessage>success</ErrorMessage> <ZOAList> <ZOAResponse> <OAID>4163728256688863813</OAID> <OAName>Đồ Da Gence</OAName> </ZOAResponse> <ZOAResponse> <OAID>4361812075662036180</OAID> <OAName>ESMS giải pháp tin nhắn doanh nghiệp</ OAName> </ZOAResponse> <ZOAResponse> <OAID>4097311281936189049</OAID> <OAName>SVoucher</OAName> </ZOAResponse> </ZOAList> </ZNSOAResponse></pre>

Thông tin kết quả

Trường	Ý nghĩa
ZOAList	Danh sách các OA đã thêm vào tài khoản eSMS
OAID	Id của OA bên Zalo
OAName	Tên của OA

Thông tin mã lỗi

Mã	Ý nghĩa
101	Sai Api hoặc Secretkey
104	Sai Brandname hoặc không có brandname trong tài khoản
300	Không có loại tin nhắn này
204	Không tìm thấy thông tin
791	Sai OAID hoặc thiếu OAID

4. Hàm lấy danh sách template Zalo OA có trong tài khoản eSMS

Đối với các Tin nhắn Zalo - ZNS, các doanh nghiệp sẽ cần đăng ký ZNS Template là các tin nhắn mẫu với Zalo trước khi được gửi.

Hàm này cho phép lấy về danh sách các Template của 1 Zalo OA thuộc tài khoản của doanh nghiệp đã được kích hoạt và gắn trên hệ thống eSMS.

Thông tin Request:

<http://restecom.esms.vn/MainService.svc/json/GetTemplate/>

Yêu cầu này bao gồm.

URL cơ sở

Tất cả các yêu cầu để SMS API phải bao gồm:

```
{
  "ApiKey":"NHAPAPIKEYCUABAN",
  "SecretKey":"NHAPSECRETKEYCUABAN",
  "OAIId":"NHAPIDCUAOA",
  "SmsType":"25"
}
```

URL cơ sở của bạn sẽ sử dụng một trong hai:

JSON	XML
http://restecom.esms.vn/MainService.svc /json/	http://restecom.esms.vn/MainService.svc /xml/

Thông số

Bảng dưới đây cho thấy các thông số bạn sử dụng trong yêu cầu:

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc
ApiKey	Thông tin APIKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có
SecretKey	Thông tin SecretKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc
OAId	Id của OA cần lấy template	Có
SmsType	24: Tin Zalo Ưu tiên 25: Tin Zalo Bình thường	Có

Thông tin trả về

Bạn đặt các loại trả về bằng cách sử dụng URL cơ sở. Bảng sau đây cho thấy trả về dự trong JSON hay XML:

JSON	XML
<pre>{ "CodeResult": "100", "ErrorMessage": "success", "ZNSTemplates": [{ "TempContent": "<p>Xin chào {{customer_name}} ,</p><p>Cảm ơn bạn đã tin tưởng sử dụng sản phẩm của GENCE. Đơn hàng {{order_code}} được bảo hành theo số điện thoại đã thanh toán từ ngày {{date}} .</p><p>Quý khách vui lòng quan tâm kênh Zalo chính thức của GENCE để được hỗ trợ hoặc xem thêm sản phẩm mới tại trang chủ Gence </p>", "TempId": 203162, "TempName": "Nhắc thanh toán", "ZNSTempDetail": [{ "Limit": 30, "Param": "customer_name", "ParamLevel": 1, "RequireType": "type_text" }, { "Limit": 30,</pre>	<pre><ListTemplateResponse xmlns= "http://schemas.datacontract.org/2004/07/AdvertisingAPI. Model" xmlns:i="http://www.w3.org/2001/XMLSchema- instance"> <CodeResult>100</CodeResult> <ErrorMessage>success</ErrorMessage> <ZNSTemplates> <TemplateResponse> <TempContent>&lt;p&gt;Xin chào {{customer_name}},&lt;/p&gt; &lt;p&gt; Cảm ơn bạn đã tin tưởng sử dụng sản phẩm của GENCE. Đơn hàng {{order_code}} được bảo hành theo số điện thoại đã thanh toán từ ngày {{date}}.&lt;/p&gt; &lt;p&gt; Quý khách vui lòng quan tâm kênh Zalo chính thức của GE NCE để được hỗ trợ hoặc xem thêm sản phẩm mới tại tran g chủ Gence &lt;/p&gt;</TempContent> <TempId>203162</TempId> <TempName>Nhắc thanh toán</TempName> <ZNSTempDetail> <ZNSTemplateDetailResponse> <Limit>30</Limit> <Param>customer_name</Param> <ParamLevel>1</ParamLevel> <RequireType>type_text</RequireType></pre>

```

        "Param": "order_code",
        "ParamLevel": 2,
        "RequireType": "type_text"
    },
    {
        "Limit": 0,
        "Param": "date",
        "ParamLevel": 3,
        "RequireType": "type_date"
    }
]
}
}

```

```

</ZNSTemplateDetailResponse>
<ZNSTemplateDetailResponse>
    <Limit>30</Limit>
    <Param>order_code</Param>
    <ParamLevel>2</ParamLevel>
    <RequireType>type_text</RequireType>
</ZNSTemplateDetailResponse>
<ZNSTemplateDetailResponse>
    <Limit>0</Limit>
    <Param>date</Param>
    <ParamLevel>3</ParamLevel>
    <RequireType>type_date</RequireType>
</ZNSTemplateDetailResponse>
</ZNSTempDetail>
</TemplateResponse>
</ZNSTemplates>
</ListTemplateResponse>

```

Thông tin kết quả

Trường	Ý nghĩa
ZNSTemplate	Danh sách các Template Zalo đã đăng ký thành công
TempContent	Nội dung của template (Mang tính tương đối tham khảo)
TempId	Id của template
ZNSTempDetail	Chi tiết các biến
Limit	Độ dài tối đa của biến
Param	Tên biến
ParamLevel	Thứ tự các biến
RequireType	Loại biến
TempName	Tên của biến

Thông tin mã lỗi

Mã	Ý nghĩa
101	Sai Api hoặc Secretkey
104	Sai Brandname hoặc không có brandname trong tài khoản
300	Không có loại tin nhắn này

Mã	Ý nghĩa
204	Không tìm thấy thông tin
791	Sai OAID hoặc thiếu OAID

5. Hàm lấy danh sách Zalo Follower

Hàm trả về danh sách người đang follow Zalo OA của bạn.

Thông tin Request:

<http://rest.esms.vn/MainService.svc/json/ZNS/GetFollowers/>

URL cơ sở

Tất cả các yêu cầu để SMS API phải bao gồm:

```
{
  "ApiKey": "NHAPAPIKEYCUABAN",
  "SecretKey": "NHAPSECRETKEYCUABAN",
  "OAID": "NHAPIDCUAOA",
  "Offset": 0,
  "Count": 4
}
```

URL cơ sở của bạn sẽ sử dụng một trong hai:

JSON	XML
http://rest.esms.vn/MainService.svc/json/ZNS/GetFollowers/	http://rest.esms.vn/MainService.svc/xml/ZNS/GetFollowers/

Thông số

Bảng dưới đây cho thấy các thông số bạn sử dụng trong yêu cầu:

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc

ApiKey	Thông tin APIKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có
SecretKey	Thông tin SecretKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có
OAID	OA ID đã đăng ký	Có
Offset	STT mà Userid đã tham gia	Có
Count	Số Userid muốn lấy ra	Có

Thông tin trả về

Bạn đặt các loại trả về bằng cách sử dụng URL cơ sở. Bảng sau đây cho thấy trả về dữ liệu trong JSON hay XML:

JSON	XML
<pre>{ "CodeResult": "100", "ErrorMessage": "success", "Followers": [{ "User_Id": "8813370397556853094" }, { "User_Id": "5252976750274269903" }], "Total": 321 }</pre>	<pre><OAFollowerResultModel xmlns="http://schemas.datacontract.org/2004/07/AdvertisingAPI. Model" xmlns:i="http://www.w3.org/2001/XMLSchema- instance"> <CodeResult>100</CodeResult> <ErrorMessage>success</ErrorMessage> <Followers> <OAFollower> <User_Id>8813370397556853094</User_Id> </OAFollower> <OAFollower> <User_Id>5252976750274269903</User_Id> </OAFollower> </Followers> <Total>321</Total> </OAFollowerResultModel></pre>

Thông tin kết quả

Trường	Ý nghĩa
Follower	Danh sách các Userid đã follow OA
Total	Tổng Userid đã follow OA

Thông tin mã lỗi

Mã	Ý nghĩa
101	Sai Api hoặc Secretkey
788	Sai OA ID hoặc OA ID không active
791	Thiếu OAID

6. Hàm gửi tin Zalo Follower theo mẫu đính kèm ảnh

Khi người dùng follow(Quân tâm) trang Zalo OA của bạn, bạn sẽ được quyền gửi tin nhắn đến những người này, những người này gọi là Follower. Và hàm gửi tin đến những người này gọi là hàm gửi tin Zalo Follower. Gửi tin Zalo Follower sẽ có 1 số định dạng khác nhau. Phần dưới đây là hàm gửi tin Zalo Follower theo mẫu đính kèm ảnh.



Dạng tin nhắn thông báo kèm ảnh

Thông tin Request:

http://rest.esms.vn/MainService.svc/json/SendZaloFollowerMessage_V4_post_json/

Yêu cầu này bao gồm.

URL cơ sở

Tất cả các yêu cầu để SMS API phải bao gồm:

```
{
  "ApiKey": "NHAPAPIKEYCUABAN",
  "SecretKey": "NHAPSECRETKEYCUABAN",
  "OAID": "NHAPIDCUAOA",
  "User_id": "NHAPUSERID",
  "Content": "Chào mừng quý khách đến với eSMS",
  "Template_type": "media",
  "Url": "https://www.chiemtinhtaichinh.com/wp-content/uploads/2019/01/choi-non.jpg",
  "CallbackUrl": "https://en4fxui3b5qk4vb.m.pipedream.net"
}
```

}

URL cơ sở của bạn sẽ sử dụng một trong hai:

JSON	XML
http://rest.esms.vn/MainService.svc/json/SendZaloFollowerMessage_V4_post_json/	http://rest.esms.vn/MainService.svc/xml/SendZaloFollowerMessage_V4_post_json/

Thông số

Bảng dưới đây cho thấy các thông số bạn sử dụng trong yêu cầu:

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc
ApiKey	Thông tin APIKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có
SecretKey	Thông tin SecretKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có
Userid	Userid cần gửi đến	Có
Content	Nội dung gửi	Có
OAID	OA ID đã đăng ký	Có
Template_Type	Loại template	Có
Url	Link hình ảnh, chấp nhận link đuôi PNG và JPG	Có

Thông tin trả về

Bạn đặt các loại trả về bằng cách sử dụng URL cơ sở. Bảng sau đây cho thấy trả về dự trong JSON hay XML:

--	--

JSON	XML
<pre>{ "CodeResult": "100", "SMSID": "6ffadc80-6006-47ea-948b-78fc6db3d4de91" }</pre>	<pre><ZaloResultModel xmlns="http://schemas.datacontract.org/2004/07/AdvertisingAPI. Model" xmlns:i="http://www.w3.org/2001/XMLSchema- instance"> <CodeResult>100</CodeResult> <SMSID>631ac0c3-cb3a-46df-82b0-5d0d47db7db333 </SMSID> </ZaloResultModel></pre>

Thông tin mã lỗi

Mã	Ý nghĩa
101	Sai Api hoặc Secretkey
788	Sai OA ID hoặc OA ID không active
791	Thiếu OAID

7. Hàm gửi tin Zalo Follower theo dạng List Menu

Khi người dùng follow(Quan tâm) trang Zalo OA của bạn, bạn sẽ được quyền gửi tin nhắn đến những người này, những người này gọi là Follower.

Và hàm gửi tin đến những người này gọi là hàm gửi tin Zalo Follower.

Gửi tin Zalo Follower sẽ có 1 số định dạng khác nhau.

Phần dưới đây là hàm gửi tin Zalo Follower theo mẫu List Menu.



Tin thông báo dạng List Menu cho Follower

Thông tin Request:

http://rest.esms.vn/MainService.svc/json/SendZaloFollowerMessage_V4_post_json/

Yêu cầu này bao gồm.

URL cơ sở

Tất cả các yêu cầu để SMS API phải bao gồm:

```
{
  "ApiKey": "NHAPAPIKEYCUABAN",
  "SecretKey": "NHAPSECRETKEYCUABAN",
  "User_id": "Useid,Userid ,Userid ",
  "OAID": "NHAPOAIDCUABAN",
  "Template_type": "list",
  "Elements": [
    {
      "Title": " Dịch Vụ SMS Marketing Automation Chuyên Nghiệp",
      "Subtitle": "Gửi tin SMS Brandname dễ dàng ngay trên Website, tích hợp API nhanh chóng, thủ tục đơn giản, ưu đãi hấp dẫn, miễn phí gửi tin thử ngay",
      "Image_url": "https://esms.vn/og.jpg",
      "Default_action": {
        "Type": "oa.open.url",
        "Url": "https://esms.vn/"
      }
    },
    {
      "Title": "GIẢI PHÁP GỬI THÔNG BÁO & CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG QUA TIN NHẮN ZALO",
      "Image_url": "https://vihat.vn/wp-content/uploads/2021/05/Slide-2.png",
      "Default_action": {
        "Type": "oa.open.url",
        "Url": "https://esms.vn/dich-vu-sms/zalo-api-services"
      }
    },
    {
      "Title": "Thông tin liên hệ",
      "Image_url": "https://vihat.vn/wp-content/uploads/2021/05/Slide-2.png",
      "Default_action": {
        "Type": "oa.open.url",
        "Url": "https://esms.vn/lien-he"
      }
    },
    {
      "Title": "HOTLINE",
      "Image_url": "https://vihat.vn/wp-content/uploads/2021/05/Slide-2.png",
      "Default_action": {
        "Type": "oa.open.phone",
        "PhoneCode": "84901888484"
      }
    }
  ]
}
```

```

    }
  },
  "CallbackUrl": "https://en8m1mpqs2tn.x.pipedream.net/ZNSFollowerAPI"
}

```

URL cơ sở của bạn sẽ sử dụng một trong hai:

JSON	XML
http://rest.esms.vn/MainService.svc/json/SendZaloFollowerMessage_V4_post_json/	http://rest.esms.vn/MainService.svc/xml/SendZaloFollowerMessage_V4_post_json/

Thông số

Bảng dưới đây cho thấy các thông số bạn sử dụng trong yêu cầu:

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc
ApiKey	Thông tin APIKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có
SecretKey	Thông tin SecretKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có
Userid	Userid cần gửi đến	Có
OAID	OA ID đã đăng ký	Có
Template_Type	Loại template	Có
Url	Link hình ảnh, chấp nhận link đuôi PNG và JPG	Có
Default_action	<div> Type: oa.open.phone : Dẫn đến màn hình cuộc gọi Type: oa.open.url: Dẫn đến link đường dẫn </div>	Có

Thông tin trả về

Bạn đặt các loại trả về bằng cách sử dụng URL cơ sở. Bảng sau đây cho thấy ví dụ trả về trong JSON hay XML:

JSON	XML
<pre>{ "CodeResult": "100", "SMSID": "6ffadc80-6006-47ea-948b-78fc6db3d4de91" }</pre>	<pre><ZaloResultModel xmlns="http://schemas.datacontract.org/2004/07/AdvertisingAPI. Model" xmlns:i="http://www.w3.org/2001/XMLSchema- instance"> <CodeResult>100</CodeResult> <SMSID>631ac0c3-cb3a-46df-82b0-5d0d47db7db333 </SMSID> </ZaloResultModel></pre>

Thông tin mã lỗi

Mã	Ý nghĩa
101	Sai Api hoặc Secretkey
788	Sai OA ID hoặc OA ID không active
791	Thiếu OAID

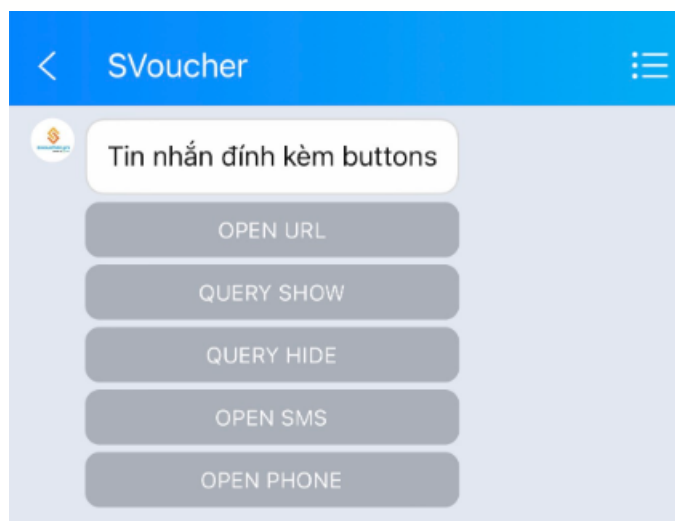
8. Hàm gửi tin ZNS Follower dạng button.

Khi người dùng follow(Quan tâm) trang Zalo OA của bạn, bạn sẽ được quyền gửi tin nhắn đến những người này, những người này gọi là Follower.

Và hàm gửi tin đến những người này gọi là hàm gửi tin Zalo Follower.

Gửi tin Zalo Follower sẽ có 1 số định dạng khác nhau.

Phần dưới đây là hàm gửi tin Zalo Follower dạng button.



Thông tin Request

http://rest.esms.vn/MainService.svc/json/SendZaloFollowerMessage_V5_post_json/

Yêu cầu này bao gồm.

URL cơ sở

Tất cả các yêu cầu để SMS API phải bao gồm:

```
{
  "ApiKey": "NHAPAPIKEYCUABAN",
  "SecretKey": "NHAPSECRETKEYCUABAN",
  "OAID": "NHAPOAIDCUABAN",
  "RequestId": null,
  "IsSandbox": "0",
  "CallbackUrl": "https://en15boqt3mpyr4h.m.pipedream.net",
  "Payload": {
    "recipient": {
      "user_id": "NHAPUSERIDNHANTIN"
    },
    "message": {
      "text": "Tin nhắn đính kèm button",
      "attachment": {
        "type": "template",
        "payload": {
          "buttons": [
```

```
{
  "title": "Link url",
  "payload": {
    "url": "https://esms.vn/"
  },
  "type": "oa.open.url"
},
{
  "title": "QUERY SHOW",
  "type": "oa.query.show",
  "payload": "#callback_data"
},
{
  "title": "QUERY HIDE",
  "type": "oa.query.hide",
  "payload": "#callback_data"
},
{
  "title": "OPEN SMS",
  "type": "oa.open.sms",
  "payload": {
    "content": "eSMS xin kính chào Quý khách",
    "phone_code": "0901888484"
  }
},
{
  "title": "OPEN PHONE",
  "type": "oa.open.phone",
  "payload": {
    "phone_code": "0901888484"
  }
}
]
}
}
}
}
```

URL cơ sở:

JSON
http://rest.esms.vn/MainService.svc/json/SendZaloFollowerMessage_V5_post_json/

Thông số

Bảng dưới đây cho thấy các thông số bạn sử dụng trong yêu cầu:

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc			
ApiKey	Thông tin APIKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có			
SecretKey	Thông tin SecretKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có			
Userid	Userid cần gửi đến	Có			
OAID	OA ID đã đăng ký	Có			
RequestId	Loại template	Không			
IsSandbox	<table><tr><td>1: Thử nghiệm</td></tr><tr><td>0: Gửi tin đi thật</td></tr></table>	1: Thử nghiệm	0: Gửi tin đi thật	Không	
1: Thử nghiệm					
0: Gửi tin đi thật					
Button	<table><tr><td>oa.open.url: Data là một Url sẽ được mở trong ứng dụng Zalo khi người quan tâm bấm vào button</td></tr><tr><td>oa.query.show: Data là một chuỗi ký tự ví dụ “#callback_data”. Khi người quan tâm bấm vào button, hệ thống sẽ gửi một tin nhắn có nội dung chứa trong data từ người quan tâm đến Official Account. Tin nhắn này sẽ hiện trên cửa sổ chat trên máy của người quan tâm.</td></tr><tr><td>oa.query.hide: Data là một chuỗi ký tự ví dụ “#callback_data”. Khi người quan tâm bấm vào button, hệ thống sẽ gửi một tin nhắn có nội dung chứa trong data từ người quan tâm đến Official Account. Tin nhắn này sẽ bị ẩn trên cửa sổ chat trên</td></tr></table>	oa.open.url: Data là một Url sẽ được mở trong ứng dụng Zalo khi người quan tâm bấm vào button	oa.query.show: Data là một chuỗi ký tự ví dụ “#callback_data”. Khi người quan tâm bấm vào button, hệ thống sẽ gửi một tin nhắn có nội dung chứa trong data từ người quan tâm đến Official Account. Tin nhắn này sẽ hiện trên cửa sổ chat trên máy của người quan tâm.	oa.query.hide: Data là một chuỗi ký tự ví dụ “#callback_data”. Khi người quan tâm bấm vào button, hệ thống sẽ gửi một tin nhắn có nội dung chứa trong data từ người quan tâm đến Official Account. Tin nhắn này sẽ bị ẩn trên cửa sổ chat trên	
oa.open.url: Data là một Url sẽ được mở trong ứng dụng Zalo khi người quan tâm bấm vào button					
oa.query.show: Data là một chuỗi ký tự ví dụ “#callback_data”. Khi người quan tâm bấm vào button, hệ thống sẽ gửi một tin nhắn có nội dung chứa trong data từ người quan tâm đến Official Account. Tin nhắn này sẽ hiện trên cửa sổ chat trên máy của người quan tâm.					
oa.query.hide: Data là một chuỗi ký tự ví dụ “#callback_data”. Khi người quan tâm bấm vào button, hệ thống sẽ gửi một tin nhắn có nội dung chứa trong data từ người quan tâm đến Official Account. Tin nhắn này sẽ bị ẩn trên cửa sổ chat trên					

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc
	<div> <div>máy của người quan tâm.</div> <div>oa.open.sms: Data đối tượng json chứa 2 thuộc tính “content” và “phoneCode”</div> <div>oa.open.phone: Data số điện thoại sẽ nhập vào khi bật ứng dụng gọi điện</div> </div>	

Thông tin trả về

Bạn đặt các loại trả về bằng cách sử dụng URL cơ sở. Bảng sau đây cho thấy trả về

JSON
<pre> { "CodeResult": "100", "SMSID": "6ffadc80-6006-47ea-948b-78fc6db3d4de91" }</pre>

Thông tin mã lỗi

Mã	Ý nghĩa
101	Sai Api hoặc Secretkey
788	Sai OA ID hoặc OA ID không active
791	Thiếu OAID
124	Trùng RequestId

9. Hàm get ZNS Quota

Cho phép bạn xem được số lượt gửi còn lại của OA trong ngày hiện tại và số lượt gửi của OA trong ngày tiếp theo.

Thông tin Request

<http://rest.esms.vn/MainService.svc/json/ZNS/GetQuota/>

Yêu cầu này bao gồm.

URL cơ sở

Tất cả các yêu cầu để SMS API phải bao gồm:

```
{
  "ApiKey": "NHAPAPIKEYCUABAN",
  "OAID": "NHAPOAIDCUABAN",
  "SecretKey": "NHAPSECRETKEYCUABAN"
}
```

Thông số

Bảng dưới đây cho thấy các thông số bạn sử dụng trong yêu cầu:

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc
OAID	OAID được thêm vào tài khoản	Có.
ApiKey	Thông tin ApiKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có
SecretKey	Thông tin SecretKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có

Thông tin trả về

JSON
<pre>{ "CodeResult": "100", "ErrorMessage": "success", "DailyQuota": 1, "RemainingQuota": 1 }</pre>

```
}

```

Thông tin mã lỗi

Mã	Ý nghĩa
CodeResult	100: Request thành công
	101: Sai ApiKey hoặc SecretKey
	788: Sai OA ID hoặc OA ID không active
	791: Thiếu OA ID
ErrorMessage	Trạng thái get Quota
DailyQuota	Số thông báo ZNS OA được gửi trong một ngày
RemainingQuota	Số thông báo ZNS OA được gửi trong ngày còn lại

10. Hàm lấy thông tin chất lượng gửi ZNS hiện tại

Cho phép bạn truy xuất được chất lượng gửi tin ZNS trong 48 giờ gần nhất của OA.

Thông tin Request

<http://rest.esms.vn/MainService.svc/json/ZNS/GetQuality/>

Yêu cầu này bao gồm.

URL cơ sở

Tất cả các yêu cầu để SMS API phải bao gồm:

```
{
  "ApiKey": "NHAPAPIKEYCUABAN",
  "OAID": "NHAPOAIDCUABAN",
  "SecretKey": "NHAPSECRETKEYCUABAN"
}
```

Thông số

Bảng dưới đây cho thấy các thông số bạn sử dụng trong yêu cầu:

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc
OAID	OAID được thêm vào tài khoản	Có.
ApiKey	Thông tin ApiKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có
SecretKey	Thông tin SecretKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có

Thông tin trả về

JSON
<pre>{ "CodeResult": "100", "ErrorMessage": "success", "Oa7dayQuality": "HIGH", "OaCurrentQuality": "HIGH" }</pre>

Thông tin mã lỗi

Mã	Ý nghĩa
CodeResult	100: Request thành công
	101: Sai ApiKey hoặc SecretKey
	788: Sai OA ID hoặc OA ID không active
	791: Thiếu OA ID

Mã	Ý nghĩa
ErrorMessage	Trạng thái get Chất lượng tin
Oa7dayQuality	<p>Chất lượng gửi tin ZNS trong 48 giờ của OA</p> <ul style="list-style-type: none"> HIGH – Mức độ chất lượng tốt MEDIUM – Mức độ chất lượng trung bình LOW – Mức độ chất lượng kém UNDEFINED – Mức độ chất lượng OA chưa được xác định (trường hợp OA không gửi thông báo ZNS nào trong khung thời gian đánh giá)
OaCurrentQuality	<p>Chất lượng gửi tin ZNS trong vòng 7 ngày gần nhất của OA</p> <ul style="list-style-type: none"> HIGH – Mức độ chất lượng tốt MEDIUM – Mức độ chất lượng trung bình LOW – Mức độ chất lượng kém UNDEFINED – Mức độ chất lượng OA chưa được xác định (trường hợp OA không gửi thông báo ZNS nào trong khung thời gian đánh giá)

11. Hàm kiểm tra đánh giá temp Rating

Cho phép bạn xem được chất lượng đánh giá và feedbacks của khách hàng cho temp rating.

Thông tin Request

<http://rest.esms.vn/MainService.svc/json/ZNS/GetRating/>

Yêu cầu này bao gồm.

URL cơ sở

Tất cả các yêu cầu để SMS API phải bao gồm:

```
{
  "ApiKey": "NGUYENPHUONGKIEUNGAN",
  "SecretKey": "NHATRANGKHANH HOA79",
  "OAID": "xxxx",
  "TemplateID": "xxxx",
  "FromTime": "09/01/2021",
  "ToTime": "09/04/2021",
}
```



```
"Offset": 3,  
"Limit": 50  
}
```

Thông số

Bảng dưới đây cho thấy các thông số bạn sử dụng trong yêu cầu:

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc
OAID	OAID được thêm vào tài khoản	Có.
ApiKey	Thông tin ApiKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có
SecretKey	Thông tin SecretKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có
TemplateID	TemplateID cần kiểm tra chất lượng đánh giá	Có
FromTime ToTime	Thời gian cần kiểm tra chất lượng đánh giá	Có
Offset	Lấy bắt đầu từ đánh giá thứ bao nhiêu	Không
Limit	Số lượng đánh giá cần xem	Không

Thông tin trả về

JSON

```
{
  "CodeResult": "100",
  "ErrorMessage": "success",
  "Data": [
    {
      "feedbacks": [
        "Cải thiện thái độ nhân viên.",
        "Cần giữ đúng lịch hẹn.",
        "Cần nâng cao tay nghề Kỹ Thuật Viên."
      ],
      "msgId": "856c66b5d58c40d0199f",
      "note": "Tốt",
      "rate": 4,
      "submitDate": "1630720080844",
      "trackingId": ""
    }
  ],
  "Total": 4
}
```

Thông tin mã lỗi

Mã	Ý nghĩa
CodeResult	100: Request thành công
	101: Sai ApiKey hoặc SecretKey
	788: Sai OA ID hoặc OA ID không active
	791: Thiếu OA ID
	159: Thiếu thuộc tính: cụ thể trong ErrorMessage
ErrorMessage	Trạng thái get Quota

Mã	Ý nghĩa						
Data	<table><tr><td>Feedbacks: Phần nhận xét từ khách hàng</td></tr><tr><td>msgId: Id của thông tin đánh giá</td></tr><tr><td>note: Phần ghi chú thêm của khách hàng</td></tr><tr><td>rate: Số sao được khách hàng đánh giá</td></tr><tr><td>submitDate: Thời điểm khách hàng submit đánh giá. Biến submitDate sẽ có giá trị trong khoảng thời gian từ from_time đến to_time (được truyền vào từ request). Lưu ý: Tính theo timestamp (millisecond).</td></tr><tr><td>trackingId: Tracking ID từ phía đối tác truyền vào khi gửi ZNS</td></tr></table>	Feedbacks: Phần nhận xét từ khách hàng	msgId: Id của thông tin đánh giá	note: Phần ghi chú thêm của khách hàng	rate: Số sao được khách hàng đánh giá	submitDate: Thời điểm khách hàng submit đánh giá. Biến submitDate sẽ có giá trị trong khoảng thời gian từ from_time đến to_time (được truyền vào từ request). Lưu ý: Tính theo timestamp (millisecond).	trackingId: Tracking ID từ phía đối tác truyền vào khi gửi ZNS
Feedbacks: Phần nhận xét từ khách hàng							
msgId: Id của thông tin đánh giá							
note: Phần ghi chú thêm của khách hàng							
rate: Số sao được khách hàng đánh giá							
submitDate: Thời điểm khách hàng submit đánh giá. Biến submitDate sẽ có giá trị trong khoảng thời gian từ from_time đến to_time (được truyền vào từ request). Lưu ý: Tính theo timestamp (millisecond).							
trackingId: Tracking ID từ phía đối tác truyền vào khi gửi ZNS							
Total	Tổng số đánh giá trong thời gian kiểm tra chất lượng đánh giá						

12. Hàm gửi tin ZNS mỗi khách hàng một nội dung

Thông tin Request

http://rest.esms.vn/MainService.svc/json/Send_zns_bulk_v4_post_json/

Yêu cầu này bao gồm.

URL cơ sở

Tất cả các yêu cầu để SMS API phải bao gồm:

```
{
  "ApiKey": "NHAPAPIKEYCUABAN",
  "SecretKey": "NHAPSECRETKEYCUABAN",
  "TempID": "686868",
  "Data": [
    {"Phone": "0707494337", "Params": ["o1", "ak1"]},
    {"Phone": "0707494337", "Params": ["o1", "ak1"]}
  ],
  "OAID": "745830328927467685"
}
```

Thông số

Bảng dưới đây cho thấy các thông số bạn sử dụng trong yêu cầu:

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc
OAID	OAID được thêm vào tài khoản	Có.
ApiKey	Thông tin ApiKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có
SecretKey	Thông tin SecretKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có
TempID	TempID tương ứng với OAID cần gửi tin	Có
Data	Bao gồm Phone: Số điện thoại cần gửi tin và Params: Phần biến của tempID	Có

Thông tin trả về

JSON
<pre>{ "CodeResult": "100", "Message": "Sucess", "TotalFail": 1, "TotalSuccess": 2, "detail": [{ "CodeResult": "100", "Phone": "707494337", "SMSID": "2ee1b853-dac0-4861-9bd3-741e8e10c35173" }, { "CodeResult": "790", "ErrorMessage": "Params is not match", }] }</pre>

```

    "Phone": "0352207778"
  },
  {
    "CodeResult": "100",
    "Phone": "0922090763",
    "SMSID": "4bc196aa-5427-48b0-b2e0-154b1c1a73ea73"
  }
]
}

```

Thông tin mã lỗi

Mã	Ý nghĩa								
CodeResult	100: Request Thành Công								
Message	Trạng thái request								
TotalSuccess	Số tin được gửi thành công								
Detail	<table><tr><td>Phone: Số điện thoại được nhận</td></tr><tr><td>SMSID: Mã tin nhắn</td></tr><tr><td>ErrorMessage: Thông điệp lỗi</td></tr><tr><td>CodeResult</td></tr><tr><td>790: không đúng định dạng biến</td></tr><tr><td>101: Sai ApiKey hoặc Secretkey</td></tr><tr><td>788 – 789: OA chưa được add hoặc sai OAID</td></tr><tr><td>791: Thiếu Params</td></tr></table>	Phone: Số điện thoại được nhận	SMSID: Mã tin nhắn	ErrorMessage: Thông điệp lỗi	CodeResult	790: không đúng định dạng biến	101: Sai ApiKey hoặc Secretkey	788 – 789: OA chưa được add hoặc sai OAID	791: Thiếu Params
Phone: Số điện thoại được nhận									
SMSID: Mã tin nhắn									
ErrorMessage: Thông điệp lỗi									
CodeResult									
790: không đúng định dạng biến									
101: Sai ApiKey hoặc Secretkey									
788 – 789: OA chưa được add hoặc sai OAID									
791: Thiếu Params									
TotalFail	Số tin gửi thất bại								

13. Hàm gửi tin nhắn VIBER

Cho phép bạn gửi tin nhắn đến số điện thoại đang sử dụng Viber

Thông tin Request

https://restapi.esms.vn/MainService.svc/json/SendMultipleMessage_V4_get?Phone=0842090998&Content=asdasdasdasdasd&ApiKey=XXXXXXXXXX&SecretKey=YYYYYY&SmsType=23&Brandname=eSMS.vn&OTTUrl=https://account.esms.vn/SMS/CreateSMSOTT&OTTImgUrl=https://www.linkpicture.com/view.php?img=LPic5fd47ee05755a1596738317&OTTLabel=Alo Alo Alo

Thông số

Bảng dưới đây cho thấy các thông số bạn sử dụng trong yêu cầu:

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc				
Phone	Số điện thoại người nhận	Có.				
Content	Nội dung gửi đến người nhận	Có.				
ApiKey	Thông tin APIKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có				
SecretKey	Thông tin SecretKey được cấp khi đăng ký trong phần Quản lý API sau khi đăng nhập	Có				
SmsType	<p>Là loại tin nhắn muốn sử dụng, mỗi loại sẽ có đầu số hiển thị khác nhau và chi phí khác nhau. Vui long liên hệ hotline 0901.888.484 để được tư vấn cụ thể hơn</p> <table><tr><th>Giá trị</th><th>Ý nghĩa</th></tr><tr><td>23</td><td>Tin Viber Bạn cần liên hệ nhân viên kinh Doanh hoặc hotline 0901.888.484 để đăng ký Brandname riêng của mình.</td></tr></table>	Giá trị	Ý nghĩa	23	Tin Viber Bạn cần liên hệ nhân viên kinh Doanh hoặc hotline 0901.888.484 để đăng ký Brandname riêng của mình.	Có.
Giá trị	Ý nghĩa					
23	Tin Viber Bạn cần liên hệ nhân viên kinh Doanh hoặc hotline 0901.888.484 để đăng ký Brandname riêng của mình.					

Tham số	Sự miêu tả	Bắt buộc
Brandname	Tên Brandname (tên công ty hay tổ chức khi gửi tin sẽ hiển thị trên tin nhắn đó). Chú ý: sẽ phải đăng ký trước khi sử dụng.	Có
OTTUrl	Đường dẫn	Không
OTTImageUrl	Đường dẫn hình ảnh	Không
OTTLabel	Tên nút	Không

- Lưu ý: Các thông số bạn có thể kết hợp để gửi Viber là:

+ OTTUrl – OTTImageUrl – Content – OTTLabel

+ Content – OTTLabel – OTTUrl

+ OTTImageUrl

+ Content

Thông tin trả về

Tùy vào URL cơ sở mà bạn sử dụng, bạn sẽ nhận được kiểu dữ liệu của kết quả khác nhau. Bảng sau đây cho thấy trả về dữ liệu trong JSON hay XML:

JSON	XML
<pre>{ "CodeResult": "100", "CountRegenerate": "0", "SMSID": " cc955fb8-3c74-4851-ac69-9a2aa0a7cd26134" }</pre>	<pre><SmsResultModel xmlns="http://schemas.datacontract.org/2004/07/Advertising API.Model" xmlns:i="http://www.w3.org/2001/XMLSchema -instance"> <CodeResult>100</CodeResult> < CountRegenerate >0</ CountRegenerate > <SMSID> cc955fb8-3c74-4851-ac69- 9a2aa0a7cd26134</SMSID></pre>

</SmsResultModel>

Ý nghĩa các trường kết quả

Tham số	Sự miêu tả																				
CodeResult	Kết quả của Request																				
	<table><tr><th>Giá trị</th><th>Ý nghĩa</th></tr><tr><td>100</td><td>Request đã được nhận và xử lý thành công.</td></tr><tr><td>101</td><td>Sai ApiKey hoặc ScretKey</td></tr><tr><td>103</td><td>Tài khoản không đủ tiền gửi tin</td></tr><tr><td>104</td><td>Brandname không tồn tại hoặc đã bị hủy</td></tr><tr><td>118</td><td>Loại tin nhắn không hợp lệ</td></tr><tr><td>119</td><td>Sai TempID</td></tr><tr><td>99</td><td>Lỗi không xác định</td></tr><tr><td>101</td><td>Sai ApiKey hoặc SecretKey</td></tr><tr><td>103</td><td>Tài khoản không đủ tiền</td></tr></table>	Giá trị	Ý nghĩa	100	Request đã được nhận và xử lý thành công.	101	Sai ApiKey hoặc ScretKey	103	Tài khoản không đủ tiền gửi tin	104	Brandname không tồn tại hoặc đã bị hủy	118	Loại tin nhắn không hợp lệ	119	Sai TempID	99	Lỗi không xác định	101	Sai ApiKey hoặc SecretKey	103	Tài khoản không đủ tiền
	Giá trị	Ý nghĩa																			
	100	Request đã được nhận và xử lý thành công.																			
	101	Sai ApiKey hoặc ScretKey																			
	103	Tài khoản không đủ tiền gửi tin																			
	104	Brandname không tồn tại hoặc đã bị hủy																			
	118	Loại tin nhắn không hợp lệ																			
	119	Sai TempID																			
	99	Lỗi không xác định																			
	101	Sai ApiKey hoặc SecretKey																			
103	Tài khoản không đủ tiền																				
SMSID	ID của tin nhắn mới được tạo ra trên hệ thống eSMS. Dùng ID này để query lấy trạng thái tin nhắn.																				